

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG

(Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 05/GPHĐKD ngày 11/05/2000, điều chỉnh mới nhất ngày 13/05/2010)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 665/UBCK-GCN do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 09 năm 2010)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG (TLS)

Trụ sở chính : 273 Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại : 04.37262600 Fax: 04.37262601
Website : www.thanglongsc.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh : Số 1-5 Lê Duẩn, quận I, Hồ Chí Minh
Điện thoại : 08.39106411 Fax: 08.39106153

Chi nhánh Hải Phòng : 28A Lý Tự Trọng, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Điện thoại : (84.31) 3821886 Fax: (84.31) 3821885

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ông: TRỊNH KHẮC HẬU Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty
Điện thoại: 04.37262600 Fax: 04.37262601

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG

(Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 05/GPHĐKD ngày 11/05/2000, điều chỉnh mới nhất ngày 13/05/2010)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

| | |
|--------------------------------|---|
| Tên cổ phiếu: | Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long |
| Loại cổ phiếu: | Phổ thông |
| Mệnh giá: | 10.000 đồng/cổ phần |
| Giá bán: | 10.000 đồng/cổ phần |
| Tổng số lượng chào bán: | 40.000.000 cổ phần (Bằng chữ: bốn mươi triệu cổ phần) |
| Tổng giá trị chào bán: | 400.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm tỷ đồng) |

Tổ chức kiểm toán :



Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà thương mại Daeha, 300 Kim Mã, Hà Nội

Điện thoại: 04.38315100

Website: <http://www.ey.com>

MỤC LỤC

| | | |
|------|---|----|
| I. | CÁC NHÂN TỐ RỦI RO | 6 |
| 1. | Rủi ro về kinh tế | 6 |
| 2. | Rủi ro về luật pháp..... | 8 |
| 3. | Rủi ro đặc thù..... | 8 |
| 4. | Rủi ro của đợt chào bán..... | 9 |
| 5. | Rủi ro pha loãng cổ phiếu | 10 |
| 6. | Rủi ro khác..... | 10 |
| II. | NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH | 10 |
| III. | CÁC KHÁI NIỆM | 10 |
| IV. | TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH | 11 |
| 1. | Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển..... | 11 |
| 2. | Cơ cấu tổ chức Công ty | 13 |
| 3. | Cơ cấu bộ máy của Công ty..... | 13 |
| 4. | Danh sách cổ đông sở hữu trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông của Công ty..... | 21 |
| 5. | Danh sách những công ty mẹ và công ty con của TLS, những công ty mà TLS đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với TLS | 21 |
| 6. | Hoạt động kinh doanh | 21 |
| 6.1 | <i>Sản phẩm dịch vụ chính</i> | 21 |
| 6.2 | <i>Doanh thu qua các năm</i> | 23 |
| 6.3 | <i>Chi phí hoạt động</i> | 24 |
| 6.4 | <i>Trình độ Công nghệ</i> | 25 |
| 6.5 | <i>Hoạt động Marketing</i> | 25 |
| 6.6 | <i>Nhãn hiệu Thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền</i> | 25 |
| 6.7 | <i>Các hợp đồng lớn đã và đang được thực hiện hoặc ký kết</i> | 27 |
| 7. | Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 02 năm gần nhất | 29 |
| 7.1 | <i>Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh trong năm 2008, 2009</i> | 29 |
| 7.2 | <i>Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo</i> | 29 |
| 8. | Vị thế của Công ty so với các Doanh nghiệp khác cùng Ngành | 30 |
| 8.1 | <i>Vị thế của Công ty trong ngành</i> | 30 |

| | | |
|------------|--|-----------|
| 8.2 | <i>Triển vọng phát triển của ngành</i> | 30 |
| 8.3 | ĐÁNH GIÁ SWOT | 31 |
| 9. | Chính sách đối với người lao động | 32 |
| 9.1 | <i>Chính sách Lương, Thưởng</i> | 32 |
| 9.2 | <i>Chế độ Thu hút, Tuyển dụng và Đào tạo Nhân lực</i> | 32 |
| 10. | Chính sách cổ tức | 33 |
| 11. | Tình hình tài chính | 33 |
| 11.1 | <i>Các chỉ tiêu cơ bản</i> | 33 |
| 11.2 | <i>Các Chỉ tiêu Tài chính chủ yếu</i> | 35 |
| 12. | Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng | 36 |
| 12.1 | <i>Hội đồng quản trị</i> | 36 |
| 12.2 | <i>Ban Tổng Giám đốc</i> | 43 |
| 12.3 | <i>Ban Kiểm soát</i> | 45 |
| 12.4 | <i>Kế toán trưởng</i> | 49 |
| 13. | Tài sản cố định | 50 |
| 14. | Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2010 | 51 |
| 15. | Căn cứ đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức | 51 |
| 16. | Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của tổ chức phát hành | 52 |
| 17. | Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan đến Công ty có thể ảnh hưởng tới giá cổ phiếu được chào bán | 52 |
| 18. | Các vấn đề khác | 52 |
| V. | CỔ PHIẾU CHÀO BÁN | 53 |
| 1. | Loại cổ phiếu | 53 |
| 2. | Mệnh giá | 53 |
| 3. | Tổng số cổ phiếu chào bán: | 53 |
| 4. | Giá chào bán | 53 |
| 5. | Phương pháp tính giá | 53 |
| 6. | Thời gian phân phối cổ phiếu | 53 |
| 7. | Đăng ký mua cổ phiếu | 53 |
| 8. | Phương thức thực hiện quyền | 53 |
| 9. | Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài | 55 |
| 10. | Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu | 55 |
| 11. | Các loại thuế có liên quan | 55 |

| | |
|---|----|
| VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN | 56 |
| 1. Mục đích chào bán..... | 56 |
| 2. Phương án khả thi | 56 |
| VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN | 58 |
| 1. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán | 58 |
| 2. Hiệu quả sử dụng vốn từ đợt phát hành | 58 |
| VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC CHÀO BÁN | 59 |
| IX. PHỤ LỤC | 59 |

BẢNG

| | |
|--|----|
| Bảng 1: Danh sách cổ đông sở hữu trên 5% vốn cổ phần của TLS | 21 |
| Bảng 2: Cơ cấu cổ đông Công ty | 21 |
| Bảng 3: Cơ cấu Doanh thu thuần của Công ty..... | 23 |
| Bảng 4: Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh | 24 |
| Bảng 5: Tỷ trọng chi phí hoạt động trên Doanh thu thuần | 24 |
| Bảng 6: Cơ cấu chi phí hoạt động..... | 24 |
| Bảng 7: Các hợp đồng lớn đã và đang được thực hiện hoặc ký kết | 27 |
| Bảng 8: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh trong năm 2008, 2009 | 29 |
| Bảng 9: Cơ cấu Lao động | 32 |
| Bảng 10: Tổng số nợ phải thu năm 2008, 2009 và Quý I/2010 | 34 |
| Bảng 11: Tổng số nợ phải trả năm 2008, 2009 và Quý I/2010 | 34 |
| Bảng 12: Danh sách Hội đồng quản trị | 36 |
| Bảng 13: Danh sách Ban Tổng Giám đốc | 43 |
| Bảng 14: Danh sách Ban Kiểm soát | 45 |
| Bảng 15: Cơ cấu tài sản cố định của Công ty | 50 |
| Bảng 16: Cơ cấu tài sản cố định vô hình của Công ty..... | 50 |
| Bảng 17: Kế hoạch Lợi nhuận và Cổ tức năm 2010..... | 51 |
| Bảng 18: Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán..... | 58 |

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Rủi ro về kinh tế là một loại rủi ro hệ thống có tác động trực tiếp lẫn gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế, thông qua các cơ chế tác động đến tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất ngân hàng và tỷ giá hối đoái. Trong chiến lược hạn chế rủi ro về kinh tế, việc xem xét các thay đổi trong cơ chế vận hành và khả năng tăng trưởng của nền kinh tế nói chung có ý nghĩa lớn giúp việc đánh giá và dự báo tình hình kinh doanh của công ty có độ tin cậy cao hơn, đồng thời tiên liệu và chuẩn bị trước các tình huống ứng phó cho sự thay đổi bất lợi có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của công ty.

1.1 Tăng trưởng Kinh tế

Tăng trưởng kinh tế ổn định ở mức cao thường đồng nghĩa với kết quả kinh doanh lạc quan của doanh nghiệp và dòng vốn đầu tư trực tiếp cũng như gián tiếp chảy vào thị trường. Tăng trưởng kinh tế thường là một nhân tố kích thích sự phát triển bền vững của thị trường chứng khoán. Thị trường chứng khoán đóng vai trò như một kênh huy động vốn hiệu quả cho các doanh nghiệp cổ phần nhằm tăng nguồn vốn đầu tư và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhìn vào một khía cạnh khác, việc tăng trưởng kinh tế ổn định giúp ổn định tâm lý nhà đầu tư, thu hút thêm nhiều luồng tiền đầu tư từ các thành phần kinh tế trong và ngoài nước và thúc đẩy các nhà đầu tư tích cực tham gia vào thị trường.

Trong giai đoạn liên tục từ 2000 đến 2008, Việt Nam liên tục đạt những bước tăng trưởng ấn tượng (trung bình 7,5%/ năm) và được xếp thứ hai tại khu vực châu Á Thái Bình Dương. Xét về trung và dài hạn, chúng tôi vẫn tin tưởng nền kinh tế Việt Nam sẽ có những bước phát triển vượt bậc. Tuy nhiên, cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu xuất hiện vào nửa cuối 2008 đã có những tác động xấu đối với nền kinh tế trong nước vốn phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu (xuất khẩu chiếm đến 70% GDP), làm GDP của năm 2009 giảm chỉ còn 5,32%. Mặc dù Chính phủ Việt Nam đã có những biện pháp chống suy thoái một cách triệt để, kịp thời và nền kinh tế nội địa đã và đang có những bước phục hồi nhanh chóng, rủi ro biến động kinh tế vĩ mô toàn cầu vẫn còn tồn tại. Bên cạnh đó, tác động của khủng hoảng nợ châu Âu cùng những lo ngại về bong bóng tài sản Trung quốc đã tạo ra làn sóng giảm giá trên các thị trường chứng khoán thế giới. Chính phủ các nước đang phải đối mặt với việc cân bằng giữa hai mục tiêu: kích thích tăng trưởng kinh tế và chống lạm phát. IMF trong một nhận định mới đây đã đưa ra cảnh báo về quyết định thu hồi các gói hỗ trợ kinh tế quá sớm có thể làm quá trình phục hồi diễn ra chậm hơn, trong bối cảnh tỷ lệ thất nghiệp vẫn duy trì ở mức cao, và hệ thống tài chính – ngân hàng toàn thế giới đang chịu khoản thâm hụt khoảng 1.500 tỷ USD. Đây cũng là vấn đề mà Việt Nam đang phải đối mặt. Việc quyết định giảm bớt các chính sách kích thích kinh tế dường như là phù hợp trong bối cảnh hiện tại khi tăng trưởng tín dụng tăng mạnh và áp lực lạm phát đang quay trở lại, song xuất khẩu vẫn chưa hoàn toàn phục hồi, và bản thân nội lực của các doanh nghiệp trong nước, đặc biệt là khối tư nhân còn yếu sẽ là một mối đe dọa lớn. Như vậy, chỉ tiêu sản xuất công nghiệp trong nước, xuất khẩu hàng hóa và sẽ là hai chỉ tiêu kinh tế quan trọng cần theo dõi nhằm giúp nhà đầu tư phòng tránh rủi ro kinh tế. Trong bối cảnh Chính phủ đang hướng theo chính sách thắt chặt tiền tệ và đầu tư tư nhân còn gặp nhiều khó khăn, nguồn giải ngân vốn đầu tư nước ngoài sẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế và đạt được chỉ tiêu tăng GDP 6,5% trong năm nay.

1.2 Lạm phát

Lạm phát cao là một yếu tố có tác động lớn đến sự tăng trưởng của thị trường chứng khoán, tác động trực tiếp đến lợi nhuận của doanh nghiệp, ảnh hưởng đến dòng tiền chảy vào thị trường tài chính, và kìm hãm tốc độ tăng trưởng thực của nền kinh tế.

Lạm phát trong năm 2009 là 6,88%, giảm mạnh so với xấp xỉ 20% của năm 2008. Việc kiểm soát lạm phát trong năm 2009 thấp hơn mục tiêu ban đầu là 15% là một thành công đáng ghi nhận. Các chuyên gia kinh tế trong các báo cáo đều đưa ra quan ngại về nguy cơ lạm phát cao trong năm 2010, là hệ quả của chính sách kích thích kinh tế theo hướng nới lỏng tiền tệ đã áp dụng trong năm trước. Tuy nhiên, diễn biến trong những tháng đầu năm 2010 đã cho thấy những dấu hiệu tăng thấp của chỉ số CPI.

CPI tháng 5 được chính thức công bố chỉ tăng 0,27% so với tháng trước. Con số này là khá sát với dự báo từ 0,23 - 0,32% của chúng tôi hồi đầu tháng. Trong khi đó, tỉ lệ lạm phát tính theo cùng kì năm ngoái đã giảm tháng thứ hai liên tiếp. Trong tháng 5, con số này là 9,05%, giảm từ 9,46% của tháng 3 và 9,23% của tháng 4.

Tốc độ tăng thấp của CPI gần đây được đóng góp chủ yếu bởi sự giảm giá của nhóm hàng lương thực và thực phẩm. Trong tháng 5, giá của nhóm hàng này đã giảm 0,12% trong khi giá của nhóm hàng phi lương thực lại tăng 0,53%. Dấu hiệu này cho thấy sức ép lạm phát đã giảm trong những tháng gần đây tuy nhiên chưa hoàn toàn biến mất. Khi giá lương thực và thực phẩm, chiếm tỉ trọng tới gần 40% trong giỏ hàng tính CPI và có tính mùa vụ cao, tăng thì sức ép lạm phát sẽ quay trở lại. Điều này sẽ gây ra một tác động xấu lên thị trường chứng khoán.

1.3 Thị trường Tiền tệ

Các hoạt động giao dịch và huy động vốn trên/quia thị trường chứng khoán và lợi nhuận của doanh nghiệp đều chịu sự tác động trực tiếp từ các thay đổi trên thị trường tiền tệ, như biến động lãi suất tiền vay, lãi suất tiền gửi và lãi suất liên ngân hàng.

Về lãi suất: Giai đoạn 2006 - 2009 là thời kỳ đầy thách thức trong việc điều hành chính sách tiền tệ trong đó có chính sách lãi suất của Việt Nam. Năm 2008 đã chứng kiến diễn biến cực kỳ nóng bỏng và phức tạp trên thị trường tiền tệ. Trong bối cảnh lạm phát gia tăng, Ngân hàng Nhà nước trong khuôn khổ chính sách tài khóa và tiền tệ thắt chặt của Chính phủ đã phải liên tục điều chỉnh tăng lãi suất cơ bản và các loại lãi suất điều hành thị trường khác. Lãi suất cho vay trên thị trường có thời điểm tăng đến trên 20%. Sang đầu năm 2009, kinh tế lại rơi vào suy thoái và Chính phủ đã phải áp dụng nhiều biện pháp hỗ trợ, trong đó có gói kích cầu bao gồm cả việc hỗ trợ lãi suất 4% cho các khoản vay ngắn hạn. Kinh tế đã phần nào phục hồi với những giải pháp này. Tình hình thị trường tiền tệ đã có những biểu hiện tích cực và ổn định. Tuy nhiên, trong thời gian cuối năm 2009, lãi suất lại có biểu hiện tăng cao. Thị trường tiền tệ được cho là vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro trong thời gian tới. Sự thay đổi về lãi suất có ảnh hưởng lớn đến hành vi của các nhà đầu tư cũng như các doanh nghiệp. Lãi suất tăng làm chi phí vay nợ để tài trợ cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp tăng, tác động trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như mức độ hấp dẫn của TTCK đối với các nhà đầu tư. Ngược lại, lãi suất làm giảm chi phí tài trợ cho các doanh nghiệp, kết quả sản xuất kinh doanh tốt hơn và TTCK trở thành một kênh đầu tư hấp dẫn của các nhà đầu tư.

Về tỷ giá hối đoái: Việc biến động của tỷ giá hối đoái không tác động trực tiếp lên hoạt động của Công ty, song vẫn có những tác động tiêu cực lên các doanh nghiệp mà TLS đầu tư. Việc biến động mạnh tỷ giá hối đoái cũng là một rào cản cho việc đầu tư của khối nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam – vốn là một lực lượng quan trọng chiếm khoảng 10 - 15% tổng giá trị giao dịch trên thị trường, do những lo ngại về đồng tiền mất giá, đồng thời gia tăng áp

lực nợ nước ngoài của đất nước và một số doanh nghiệp có vay vốn bằng ngoại tệ. Tính đến thời điểm tháng 11 năm 2009, tổng số tài khoản nhà đầu tư nước ngoài theo thống kê của Trung tâm Lưu ký Việt Nam đã đạt khoảng 13.000 tài khoản, tăng so với thời điểm cuối năm 2008 là 11.941 tài khoản và so với thời điểm cuối năm 2007 là 8.141 tài khoản.

Đồng thời, dù không rõ ràng và không bị hạn chế bởi các quy định của Ngân hàng Nhà nước, nhưng việc biến động tỷ giá cũng kéo một phần vốn đầu tư trên thị trường chứng khoán sang một số kênh thị trường ngoại hối. Kinh doanh ngoại tệ hiện cũng đang là một kênh tìm kiếm lợi nhuận với một số nhà đầu tư có vốn lớn, có sự hiểu biết về phân tích vĩ mô.

2. Rủi ro về luật pháp

Ngoài những văn bản quy phạm pháp luật chung của Nhà nước, hoạt động của Công ty Chứng khoán còn được điều chỉnh bởi một hệ thống các văn bản hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Việc thay đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt là văn bản của Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước đều có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của TLS và khi đó ảnh hưởng đến giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường chứng khoán. Rủi ro pháp luật còn thể hiện ở chỗ thiếu tính nhất quán giữa Luật Chứng khoán và các Văn bản pháp luật khác, cũng như sự không ổn định trong điều hành chính sách của các cơ quan quản lý nhà nước.

3. Rủi ro đặc thù

3.1 Rủi ro về nguồn nhân lực

Đối với công ty chứng khoán, hoạt động trong lĩnh vực đặc thù đòi hỏi trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao như lĩnh vực chứng khoán thì đội ngũ nhân sự là yếu tố cạnh tranh mang tính quyết định. Trong khi đó, TTCK Việt Nam mới sau 10 năm hoạt động, nhân sự hành nghề tuy có phát triển nhanh về số lượng, được đào tạo bài bản và có kinh nghiệm về chứng khoán và TTCK hơn, nhưng luôn biến động và chất lượng còn có nhiều mặt hạn chế. Đội ngũ nhân sự có chuyên môn về tài chính doanh nghiệp và luật pháp để có thể thực hiện tư vấn và thực hiện các nghiệp vụ trong bảo lãnh phát hành, tư vấn tái cơ cấu tổ chức doanh nghiệp, tư vấn phát hành, niêm yết hoặc quản lý quỹ lại rất mỏng. Nhân sự cao cấp, cán bộ điều hành quản lý ở các công ty luôn thiếu hụt hoặc có chất lượng thấp do số lượng công ty tăng nhanh. Do đó, nguồn nhân lực cho ngành Tài chính nói chung và các công ty chứng khoán nói riêng vẫn đang là vấn đề mang tính cạnh tranh gay gắt. Giữa các công ty chứng khoán thường có xu hướng dịch chuyển, thu hút, lôi kéo nhân viên của nhau, tạo áp lực cho sự ổn định nhân sự của Công ty.

3.2 Rủi ro cạnh tranh

Cùng với sự tăng trưởng nhanh của TTCK trong giai đoạn 2006 - 2010, các công ty chứng khoán đã có những bước thay đổi lớn trên tất cả các mặt như số lượng, quy mô vốn, cơ sở vật chất, nhân sự, quy mô cung cấp dịch vụ và chất lượng hoạt động.

- Tình hình cạnh tranh về phí trên thị trường hiện tại là rất gay gắt. Theo đó, phí giao dịch môi giới và phí dịch vụ tư vấn đã được các công ty giảm mạnh để thu hút khách hàng. Các công ty mới gia nhập ngành vì vậy gặp rất nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm điểm doanh thu hòa vốn.

- Hầu hết các công ty mới đã có những sự đầu tư mạnh mẽ vào hệ thống công nghệ thông tin nhằm cung cấp cho khách hàng những dịch vụ tốt nhất, và điều này đã tạo những áp lực lớn lên các công ty đã hoạt động lâu năm nhưng chậm chuyển mình.

Mặc dù vậy, cạnh tranh cũng tạo động lực và cơ hội cho các công ty chứng khoán có chiến

lược đầu tư, chính sách nhân sự hợp lý, nắm bắt được tính quy luật và phát triển của thị trường.

3.3 *Rủi ro biến động giá cổ phiếu trên TTCK*

Biến động giá của các Cổ phiếu trên TTCK là rủi ro đối với hoạt động tự doanh chứng khoán của TLS, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro này, TLS đã thực hiện danh mục đầu tư đa dạng hoá tốt kết hợp với kinh nghiệm quản lý danh mục đầu tư. Vì vậy, hoạt động tự doanh của TLS có đóng góp đáng kể vào doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

3.4 *Rủi ro biến động giá cổ phiếu TLS*

Việc cổ phiếu của TLS chào bán ra công chúng sẽ đem lại nhiều lợi ích cho Công ty như: có kênh huy động vốn hiệu quả, tăng tính thanh khoản của cổ phiếu TLS, quảng bá hình ảnh, thương hiệu và xác định được giá trị thực của TLS, hướng tới việc chuẩn mực hóa các công tác quản trị và điều hành...

Cũng như các cổ phiếu khác, giá cổ phiếu của TLS sẽ chịu tác động của nhiều yếu tố như: sự thay đổi của kết quả hoạt động kinh doanh, sự hiểu biết của nhà đầu tư đối với Công ty và TTCK, tâm lý nhà đầu tư, tình hình kinh tế, điều kiện thị trường...

Ngoài những yếu tố trên, khi Công ty có nhu cầu tăng vốn mở rộng hoạt động kinh doanh sẽ phát sinh rủi ro pha loãng cổ phiếu. Vốn tăng, áp lực chi trả cổ tức cho cổ đông cũng tăng, xét trong ngắn hạn, việc tăng vốn sẽ làm giá cổ phiếu của TLS giảm. Tuy nhiên, TLS tin tưởng rằng với chiến lược phát triển đúng đắn, kết quả hoạt động kinh doanh tốt và ổn định sẽ là những đảm bảo để các nhà đầu tư yên tâm đầu tư dài hạn vào cổ phiếu TLS với rủi ro thấp nhất.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Trong năm 2008 và 2009, thị trường chứng khoán Việt Nam diễn biến khá phức tạp. Những thông tin bất lợi từ nền kinh tế vĩ mô đã tác động đến thị trường chứng khoán, bất chấp những cố gắng bình ổn từ phía các cơ quan chức năng. Chịu ảnh hưởng tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính, thị giá của các cổ phiếu đã có đợt suy giảm mạnh và kéo dài.

Những tháng đầu năm 2010, thị trường chứng khoán Việt Nam đã có những sự tăng trưởng đáng kể sau một thời gian điều chỉnh vào cuối năm 2009. Đây là một tín hiệu khả quan cho sự thành công của đợt chào bán cổ phiếu. Tuy nhiên nguy cơ không ổn định của thị trường vẫn còn là một thách thức lớn. Trong giai đoạn thị trường chứng khoán biến động, giá nhiều loại cổ phiếu không phản ánh đúng thực chất giá trị thì rủi ro về số lượng cổ phiếu bán được có khả năng xảy ra.

Mặt khác, thời gian dự kiến chào bán của Công ty vào Quý III/2010, là thời điểm nhiều công ty khác cũng tiến hành chào bán chứng khoán. Lượng cung chứng khoán lớn dẫn đến sự cạnh tranh giữa các cổ phiếu chào bán. Do vậy, đây cũng là một rủi ro lớn đối với đợt chào bán cổ phiếu của Công ty.

Các rủi ro nếu xảy ra đối với đợt chào bán cổ phiếu của Công ty sẽ ảnh hưởng đến mục tiêu huy động vốn và tiến độ giải ngân cho các dự án của Công ty.

Tuy nhiên, đợt phát hành của Công đã được ĐHĐCĐ thông qua với sự nhất trí cao. Đồng thời, để đảm bảo sự thành công, Công ty đã tư vấn thăm dò, phân tích thị trường đưa ra mức giá chào bán hợp lý nhằm giảm thiểu rủi ro của đợt phát hành.

5. **Rủi ro pha loãng cổ phiếu**

Sau khi công ty phát hành thêm cổ phần tăng vốn, số lượng cổ phiếu lưu hành trên thị trường của công ty sẽ tăng lên so với số cổ phiếu hiện hành. Số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên và thêm nhiều nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu của công ty sẽ dẫn đến hiện tượng cổ phiếu bị pha loãng. Theo đó, thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS) có thể suy giảm do thu nhập được chia cho một số lượng cổ phiếu lớn hơn.

Trong đợt phát hành này, TLS chào bán ra công chúng 40.000.000 cổ phần với giá ấn định là 10.000 đồng/cổ phần. Số cổ phiếu lưu hành trên thị trường của Công ty CP Chứng khoán Thăng Long sau khi thực hiện chào bán sẽ tăng thêm 50% so với số cổ phiếu hiện hành đang lưu hành. Giá cổ phiếu sau khi thực hiện chào bán có thể bị ảnh hưởng.

Giá cổ phiếu TLS sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$\text{Giá cổ phiếu sau khi pha loãng} = \frac{(\text{Số CP trước đợt phát hành} \times \text{giá CP trước khi pha loãng}) + (\text{số lượng CP chào bán} \times \text{giá phát hành})}{\text{Tổng số cổ phần sau khi phát hành}}$$

Ví dụ: tham khảo trên thị trường OTC, giá cổ phiếu giao dịch hiện tại của TLS là 20.000 đồng/cổ phần. Giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phần thì giá cổ phiếu sau khi tăng vốn sẽ là:

$$\text{Giá cổ phiếu sau khi pha loãng} = \frac{80.000.000 \times 20.000 + 40.000.000 \times 10.000}{120.000.000} = 16.700 \text{ đồng/CP}$$

Tuy nhiên, rủi ro từ việc cổ phiếu bị pha loãng sẽ được hạn chế nếu như Công ty sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được và duy trì tốt hoạt động sau đợt phát hành.

6. **Rủi ro khác**

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, v.v... là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. **NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

| | |
|------------------|---|
| Ông Lê Văn Bé | Chức vụ: Chủ tịch HĐQT |
| Ông Lê Đình Ngọc | Chức vụ: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc |
| Bà Trương Tú Anh | Chức vụ: Kế toán trưởng |
| Bà Lê Thu Vân | Chức vụ: Trưởng BKS |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

III. **CÁC KHÁI NIỆM**

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

| | |
|-------------------|---|
| Tổ chức phát hành | Công ty CP Chứng khoán Thăng Long |
| Công ty kiểm toán | Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam |
| Bản cáo bạch | Bản Công bố thông tin của TLS về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho công chúng đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán |

| | |
|--------------------|--|
| Điều lệ | Điều lệ của Công ty đã được ĐHCĐ của Công ty CP Chứng khoán Thăng Long thông qua |
| Vốn điều lệ | Là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty CP Chứng khoán Thăng Long |
| Cổ phần | Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau |
| Cổ phiếu | Chứng chỉ do Công ty CP Chứng khoán Thăng Long phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của TLS |
| TLS | Tên viết tắt Công ty CP Chứng khoán Thăng Long |
| ĐHCĐ | Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Chứng khoán Thăng Long |
| HĐQT | Hội đồng quản trị Công ty CP Chứng khoán Thăng Long |
| BKS | Ban Kiểm soát Công ty CP Chứng khoán Thăng Long |
| UBCKNN | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |
| SGDCK | Sở Giao dịch chứng khoán |
| TTLKCK | Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam |
| TVLK | Thành viên lưu ký chứng khoán |
| CBNV | Cán bộ nhân viên Công ty CP Chứng khoán Thăng Long |
| Cổ đông | Các chủ sở hữu là cá nhân hoặc tổ chức nắm giữ cổ phần của Công ty |
| Người có liên quan | Cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây: <ul style="list-style-type: none">• Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân;• Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;• Thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;• Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;• Công ty mẹ, công ty con;• Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia. |

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp 2005, Luật Chứng khoán 2006 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu chung về tổ chức phát hành:

- Tên tổ chức phát hành: **Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long**

- Tên tiếng Anh: Thanglong Securities Joint Stock Company
- Tên viết tắt: TLS
- Logo: 
- Điện thoại: 04.37262600
- Fax: 04.37262601
- Website: <http://www.thanglongsc.com.vn>
- Ngành nghề kinh doanh
 - ✚ Môi giới chứng khoán;
 - ✚ Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
 - ✚ Tự doanh chứng khoán;
 - ✚ Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
 - ✚ Lưu ký chứng khoán.
- Giấy phép hoạt động:
 - **Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán Số 05/GPHĐKD** do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 11 tháng 5 năm 2000;
 - **Giấy phép điều chỉnh số 98/UBCK-GPĐCCTCK** do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 28/12/2007 chuyển đổi Công ty Chứng khoán Thăng Long từ TNHH sang thành Công ty cổ phần.
 - **Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 321/GP-UBCK** do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 13 tháng 5 năm 2010.

1.2 Quá trình hình thành và phát triển

Công ty CP Chứng khoán Thăng Long là một trong 5 công ty chứng khoán đầu tiên trên thị trường chứng khoán Việt Nam, thành lập năm 2000. Sau 10 năm hoạt động, TLS đã có những bước phát triển mạnh mẽ về chất lượng dịch vụ cũng như khối lượng khách hàng.

Các cột mốc quan trọng trong quá trình hoạt động của TLS:

- **11/05/2000:** TLS được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép kinh doanh số 05/GPHĐKD;
- **05/06/2000:** TLS được Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0104000003 với số vốn ban đầu là 9 tỷ đồng;
- **03/2003:** Khai trương Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh. Đây là một phần trong chiến lược mở rộng hoạt động và phạm vi ảnh hưởng của Công ty tại khu vực miền Nam;
- **08/2003:** TLS tăng vốn điều lệ lên 43 tỷ đồng và trở thành công ty chứng khoán với đầy đủ các nghiệp vụ theo Luật định;
- **05/2006:** Công ty tăng vốn điều lệ lên 80 tỷ đồng;
- **20/07/2006:** Trụ sở mới của Công ty Chứng khoán Thăng Long (Thanglong Securities Company - TSC) và Phòng Giao dịch của Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Quân đội (MB) chính thức được khai trương đưa vào hoạt động với tổng diện tích 420m² tại Tầng 6, tòa nhà Toserco, số 273 Kim Mã, Hà Nội;
- **12/2006:** TLS tăng vốn điều lệ lên 120 tỷ đồng;
- **10/2007:** TLS tăng vốn điều lệ lên 250 tỷ đồng;
- **12/2007:** Chuyển từ Công ty TNHH thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long,

đồng thời tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng;

- **31/12/2008:** TLS tăng vốn điều lệ lên 420 tỷ đồng;
- **03/9/2009:** TLS tăng vốn điều lệ lên 650 tỷ đồng;
- **26/10/2009:** Khai trương Chi nhánh tại Hải Phòng. Đây là một địa bàn năng động và hứa hẹn sẽ nâng cao hình ảnh của Công ty;
- **12/2009:** TLS tăng vốn điều lệ lên 800 tỷ đồng;
- **3/2010:** Công ty Chứng khoán Thăng Long chính thức đổi tên viết tắt từ TSC thành TLS;
- **6/2010:** TLS trở thành công ty đại chúng.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

• Tại Hà Nội

- Trụ sở chính: Tầng 6, Tòa nhà Toserco, 273 Kim Mã – Ba Đình - Hà Nội
- Phòng Giao dịch Lý Nam Đế: 14C Lý Nam Đế - Hoàn Kiếm – Hà Nội
- Phòng Giao dịch Hoàng Quốc Việt: 126 Hoàng Quốc Việt - Cầu Giấy – Hà Nội
- Phòng Giao dịch Liễu Giai: 16 Liễu Giai – Ba Đình – Hà Nội
- Phòng Giao dịch Láng Hạ: 34 Láng Hạ - Đống Đa – Hà Nội
- Phòng Giao dịch Khâm Thiên: 195 Khâm Thiên – Đống Đa – Hà Nội

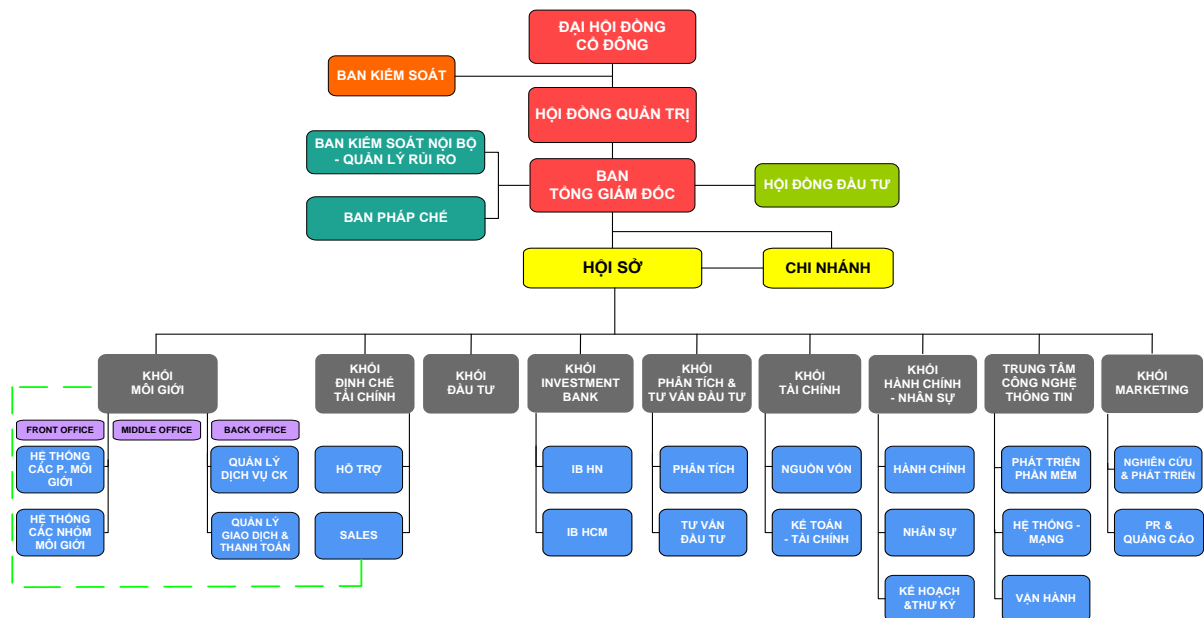
• Tại Hồ Chí Minh

- Trụ sở chi nhánh: Tầng 2 Tòa nhà Petrol Vietnam, 1-5 Lê Duẩn - Quận 1 - HCM
- Phòng Giao dịch Tôn Đức Thắng: 2 Tôn Đức Thắng - Quận 1 – HCM
- Phòng Giao dịch Phan Xích Long: 80-82 Phan Xích Long, Phường 2 Quận Phú Nhuận, HCM
- Phòng Giao dịch Nguyễn Công Trứ: 86-88 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận I, HCM

• Tại Hải Phòng

- Trụ sở chi nhánh: 28A Lý Tự Trọng – Quận Hồng Bàng – Hải Phòng

3. Cơ cấu bộ máy của Công ty



3.1 Đại hội đồng Cổ đông

ĐHĐCĐ bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Hoạt động của Công ty. ĐHĐCĐ có quyền bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT, BKS theo các quy định cụ thể trong Điều lệ Hoạt động của Công ty.

3.2 Hội đồng quản trị

HĐQT quyết định hoạt động kinh doanh, có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, ngoại trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT được quy định cụ thể tại Điều lệ của Công ty.

3.3 Ban Kiểm soát

BKS có quyền giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc điều hành, quản lý Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật và ĐHĐCĐ về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

3.4 Hội đồng đầu tư

Hội đồng đầu tư là cơ quan cố vấn, giúp việc cho Ban Điều hành của TLS để thực hiện, theo dõi, quản lý và chịu trách nhiệm về danh mục đầu tư của TLS trong phạm vi ủy quyền của HĐQT.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng đầu tư do Tổng Giám đốc quyết định, được quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng đầu tư do Tổng Giám đốc ban hành.

3.5 Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, bao gồm 01 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

3.6 Ban Pháp chế

a. Thư ký giúp việc cho HĐQT Công ty:

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan của Công ty để chuẩn bị tài liệu cho các cuộc họp của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- Trực tiếp thư ký cho các cuộc họp của HĐQT theo định kỳ hoặc đột xuất;
- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và BKS;
- Dự thảo các Nghị quyết, Quyết định, Thông báo kết luận các cuộc họp HĐQT theo yêu cầu của người chủ trì;
- Xây dựng chương trình làm việc của HĐQT, có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, tổng hợp, thực hiện chương trình đã được phê duyệt;
- Là đầu mối giúp HĐQT liên hệ với các cơ quan nhà nước trong hoạt động kinh doanh của Công ty và các vấn đề liên quan đến cổ đông, cổ phần, cổ phiếu;
- Tư vấn thủ tục các cuộc họp của ĐHĐCĐ.

b. Giúp Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện chỉ đạo hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật và Điều lệ Công ty; Giám sát hoạt động của các đơn vị trực thuộc Công ty theo đúng quy chế đã đề ra:

- Chủ trì hoặc tham gia soạn thảo Điều lệ, các nội quy và quy định chung của Công ty;
- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong Công ty tổ chức rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy chế tổ chức hoạt động của các Ban, Khối, Trung tâm, Phòng chuyên môn; các quy chế nghiệp vụ và hệ thống quy trình nghiệp vụ của Công ty; Xây dựng phương án xử lý kết quả rà soát trình Tổng Giám đốc;
- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong Công ty tham gia ý kiến đối với dự thảo các văn bản pháp quy trong lĩnh vực chứng khoán do các cơ quan, tổ chức liên quan lấy ý kiến;
- Đưa ra các kiến nghị về mặt pháp lý đối với các vấn đề về tổ chức, hoạt động của Công ty;
- Xây dựng hệ thống hợp đồng mẫu phục vụ trong hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Rà soát, chỉnh sửa hoặc góp ý chỉnh sửa về mặt pháp lý đối với văn bản chỉ đạo, điều hành của Ban Tổng Giám đốc do các Ban, Khối, Trung tâm, Phòng chuyên môn hoặc Chi nhánh trình.
- Đưa ra ý kiến về mặt pháp lý đối với sản phẩm dịch vụ, kế hoạch đầu tư mới hoặc hợp đồng chuẩn bị ký kết;
- Tham gia đàm phán ký kết hợp đồng, dự án, thỏa thuận hợp tác với các đối tác của Công ty;
- Làm thủ tục, hồ sơ xin cấp phép thành lập và hoạt động, khắc dấu, xin mã số thuế cho Công ty;
- Hướng dẫn Chi nhánh thực hiện thủ tục với các cơ quan quản lý Nhà nước trong việc xin phép thành lập;
- Kiểm tra, giám sát hoạt động của các đơn vị thuộc Công ty trong việc chấp hành pháp luật, Điều lệ, nội quy, quy định chung của Công ty;
- Tư vấn, hỗ trợ pháp lý cho các đơn vị trong Công ty giải quyết các tranh chấp với đối tác, khách hàng;
- Tham gia ý kiến trong việc giải quyết tranh chấp có liên quan đến hoạt động của Công ty;
- Nghiên cứu, đưa ra dự báo những thay đổi về chính sách, pháp luật có thể ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Tăng cường quan hệ với các luật sư, văn phòng tư vấn luật hoặc các tổ chức pháp lý liên quan nhằm cung cấp kịp thời các thông tin, văn bản pháp luật mới có liên quan đến hoạt động của Công ty và dịch vụ pháp lý cho Công ty;
- Tập hợp, hệ thống, lưu giữ các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty;
- Phổ biến các văn bản pháp luật mới liên quan đến hoạt động của Công ty cho các cá nhân, đơn vị có liên quan;
- Tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm, khóa đào tạo phổ biến, bồi dưỡng nâng cao kiến thức pháp luật cho cán bộ quản lý và nhân viên Công ty.

3.7 Ban Kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro:

- Nghiên cứu các chính sách, cơ chế, luật pháp và kế hoạch phát triển của Nhà nước để tham mưu Ban Tổng Giám đốc xây dựng các mục tiêu, chiến lược kinh doanh phù hợp với thực tiễn hoạt động kinh doanh của TLS nhằm hạn chế được các rủi ro liên quan;

- Xây dựng các chính sách, quy định, quy trình về quản lý rủi ro phù hợp với pháp luật hiện hành;
- Phối hợp, hỗ trợ các bộ phận khác trong việc xác định, đo lường, giám sát và báo cáo về các rủi ro phát sinh; đề xuất các biện pháp giảm thiểu và ngăn ngừa rủi ro, tổn thất;
- Định kỳ xác định và báo cáo Ban Tổng Giám đốc về các rủi ro và tổn thất, đánh giá tính hiệu quả của các biện pháp kiểm soát hiện đang được áp dụng;
- Tổng hợp, đúc kết các rủi ro đã xảy ra trong tất cả các nghiệp vụ thành bài học kinh nghiệm nhằm phục vụ công tác đào tạo, nâng cao văn hoá phòng, chống rủi ro trong TLS;
- Tham gia, đóng góp ý kiến vào các văn bản nghiệp vụ của TLS nhằm hạn chế những sơ hở dẫn đến rủi ro trong hoạt động chung của công ty;
- Đầu mối quản lý các sự cố đột xuất, các tổn thất xảy ra tại TLS.

b. Kiểm soát nội bộ:

- Giám sát tuân thủ nhằm đảm bảo mục tiêu: tuân thủ quy định của Luật chứng khoán và các văn bản liên quan; hoạt động của Công ty an toàn hiệu quả; trung thực trong việc lập báo cáo tài chính của Công ty. Cụ thể phải kiểm soát những nội dung sau:
 - Kiểm soát việc tuân thủ quy trình nghiệp vụ của các bộ phận kinh doanh, của người hành nghề chứng khoán và các bộ phận khác trong Công ty;
 - Kiểm toán nội bộ báo cáo tài chính;
 - Giám sát tỷ lệ vốn khả dụng và các tỷ lệ an toàn tài chính;
 - Tách biệt tài sản của khách hàng;
 - Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;
- Xây dựng các văn bản quy chế, quy định và quy trình kiểm tra, kiểm soát đối với các mặt hoạt động của TLS;
- Đề xuất các biện pháp kiểm soát và giám sát việc thực thi các biện pháp kiểm soát đó;
- Đầu mối tiếp xúc, làm việc với các đoàn kiểm tra, kiểm soát nội bộ hoặc các đoàn kiểm toán độc lập được chỉ định.

3.8 Khối Môi giới

- Mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho từng khách hàng.
- Thu thập và bảo mật thông tin về khả năng tài chính, khả năng chịu đựng rủi ro, kỳ vọng lợi nhuận của khách hàng, nhân thân của khách hàng.
- Thực hiện nghiệp vụ nhận lệnh giao dịch mua, bán chứng khoán niêm yết và chứng khoán OTC cho khách hàng.
- Cung cấp các dịch vụ liên quan đến đăng ký chứng khoán niêm yết, chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết; đăng ký giao dịch tập trung; quản lý cổ đông; lưu ký; bù trừ, thanh toán chứng khoán cho khách hàng.
- Chăm sóc khách hàng; quản lý và phát triển mạng lưới khách hàng.
- Tư vấn cho khách hàng giao dịch chứng khoán.

- Phối hợp với Phòng Quản lý dịch vụ chứng khoán và các tổ chức tài chính khác để cung cấp các sản phẩm môi giới cho khách hàng theo đúng quy trình nghiệp vụ của Công ty.
- Thực hiện sửa lỗi giao dịch theo quy định của Trung tâm lưu ký Chứng khoán và quy định của Công ty.
- Nhận làm đại lý đấu giá cho các Tổ chức phát hành; phối hợp với các đơn vị có liên quan của Công ty để thực hiện việc đấu giá chào bán chứng khoán, triển khai dịch vụ ủy thác, hỗ trợ đấu giá mua cổ phần và các hoạt động có liên quan khác.
- Xây dựng và đề xuất với Ban Tổng Giám đốc các chính sách đối với Khối Môi giới.
- Hoàn thiện, nâng cao hiệu quả các sản phẩm môi giới hiện có và nghiên cứu, xây dựng các sản phẩm môi giới mới phục vụ khách hàng.
Xây dựng qui trình nghiệp vụ của từng phòng chuyên môn thuộc Khối Môi giới.
- Kiểm tra, giám sát mọi hoạt động giao dịch chứng khoán; hạch toán kế toán; đăng ký; lưu ký; thanh toán bù trừ; thực hiện quyền; tài khoản ký quỹ và các hoạt động khác có liên quan đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Quy trình nghiệp vụ của Công ty.

3.9 *Khối Định chế tài chính*

- Thực hiện, giám sát, quản lý các công việc trong mạng quan hệ với các đối tác khách hàng là các tổ chức trong nước, tổ chức và cá nhân nước ngoài bao gồm:
 - Tìm kiếm, tổng hợp thông tin, thiết lập, duy trì và phát triển các mạng lưới quan hệ với các đối tác, khách hàng;
 - Đầu mối tiếp cận các đối tác, khách hàng và tiếp thị các sản phẩm của TLS cung cấp cho đối tác, khách hàng.
- Phối hợp với Phòng Khách hàng nước ngoài và tổ chức để chăm sóc khách hàng trong việc mở đóng tài khoản giao dịch chứng khoán, tài khoản lưu ký chứng khoán và hoạt động giao dịch chứng khoán của khách hàng tại TLS.

3.10 *Khối Đầu tư*

- Tổ chức thực hiện hoạt động đầu tư theo các quy trình nghiệp vụ, kế hoạch, định hướng phát triển của Công ty, bao gồm:
 - Phân tích thị trường;
 - Phân tích tài chính doanh nghiệp;
 - Tự doanh chứng khoán;
 - Tham gia vào các dự án Bảo lãnh phát hành.
- Tham gia nghiên cứu, xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển chung của Công ty.
- Thu thập, tổ chức xây dựng và quản lý nguồn thông tin về doanh nghiệp một cách hệ thống phục vụ đắc lực cho hoạt động đầu tư.
- Xây dựng hệ thống và thực hiện đúng các Quy trình nghiệp vụ của Khối Đầu tư.
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc, Hội đồng đầu tư, HĐQT về hoạt động đầu tư.
- Phối hợp với các Ban, Khối, Trung tâm, Phòng chuyên môn nghiệp vụ của Công ty để hoàn thành tốt nhiệm vụ của Khối và các nhiệm vụ khác của toàn công ty.

3.11 Khối Investment Banking

- Tư vấn chuyển đổi hình thức doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước sang công ty cổ phần, chuyển công ty TNHH sang cổ phần, chuyển sang hình thức công ty mẹ - công ty con hoặc tổng công ty cho các khách hàng ở khu vực phía Bắc, bao gồm một hoặc toàn bộ nội dung sau:
 - Lập kế hoạch chuyển đổi;
 - Xác định giá trị doanh nghiệp;
 - Lập đề án chuyển đổi;
 - Triển khai đề án chuyển đổi;
 - Một số công việc khác.
- Tư vấn các thủ tục để thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO) cho các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa và các loại hình doanh nghiệp khác; tư vấn các thủ tục đấu giá bán bớt phần vốn nhà nước.
- Tư vấn thủ tục cho các doanh nghiệp huy động vốn thông qua hình thức chào bán riêng lẻ hoặc chào bán chứng khoán ra công chúng theo đúng các quy định của pháp luật, phù hợp với nhu cầu tối đa hóa lợi ích của doanh nghiệp đó.
- Tư vấn cho các doanh nghiệp thực hiện niêm yết chứng khoán tại các Sở giao dịch chứng khoán.
- Tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp, bao gồm:
 - Tư vấn tái cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý và nguồn nhân lực;
 - Tư vấn tái cơ cấu hệ thống quản trị bao gồm cơ chế, chính sách, các quy chế, quy định, quy trình công việc...;
 - Tư vấn tái cơ cấu chiến lược hoạt động kinh doanh về mục tiêu chiến lược, kế hoạch kinh doanh, chủng loại sản phẩm hàng hóa...;
 - Tư vấn tái cơ cấu tài chính gồm cơ cấu danh mục tài sản, cơ cấu tài chính phù hợp với chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp...
- Thực hiện tư vấn mua bán, sáp nhập doanh nghiệp (M&A), bảo lãnh phát hành.
- Tư vấn khác phù hợp với khả năng và mục tiêu hoạt động của TLS như: tư vấn quan hệ nhà đầu tư (IR), tư vấn lập dự án, tư vấn thẩm định dự án đầu tư...
- Nghiên cứu, xây dựng các sản phẩm tư vấn mới phù hợp với nhu cầu thị trường.

3.12 Khối Phân tích và tư vấn đầu tư

- Tổ chức thực hiện hoạt động phân tích theo các quy trình nghiệp vụ, kế hoạch, định hướng phát triển của Công ty, bao gồm:
 - Phân tích thị trường;
 - Phân tích tài chính doanh nghiệp;
- Tư vấn đầu tư, tìm kiếm cơ hội đầu tư.
- Tham gia nghiên cứu, xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển chung của Công ty.
- Thu thập, tổ chức xây dựng và quản lý nguồn thông tin về doanh nghiệp một cách hệ thống phục vụ cho hoạt động phân tích đầu tư.
- Xây dựng và thực hiện đúng các Quy trình nghiệp vụ của Khối.
- Phối hợp với các Ban, Khối, Trung tâm, Phòng chuyên môn nghiệp vụ của Công ty để hoàn thành tốt nhiệm vụ của Khối.

3.13 Khối Tài chính**a. Phòng Kế toán – tài chính**

- Xây dựng và quản lý hệ thống chế độ kế toán cho Công ty theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và quy định của Công ty;
- Xây dựng các Quy trình, Quy chế liên quan đến nghiệp vụ kế toán nội bộ;
- Hướng dẫn hạch toán kế toán cho các bộ phận trong toàn hệ thống của Công ty;
- Lập, gửi các báo cáo tài chính định kỳ theo quy định của Bộ Tài chính và các cơ quan có thẩm quyền khác;
- Kiểm tra, kiểm soát các khoản chi tiêu nội bộ của Công ty;
- Xây dựng kế hoạch tài chính thống nhất với kế hoạch kinh doanh của Công ty;
- Xây dựng các định mức chi phí cho từng bộ phận trong Công ty;
- Giám sát các chỉ tiêu tài chính của Công ty và báo cáo lãnh đạo khi có những biến động bất thường xảy ra;
- Kiểm soát dòng tiền, cân đối vốn cho toàn hệ thống;
- Xác định cơ cấu vốn của Công ty;
- Lập các báo cáo quản trị về tài chính của Công ty.

b. Phòng Nguồn vốn

- Thu xếp và huy động các nguồn vốn đáp ứng cho hoạt động kinh doanh và cung cấp dịch vụ tài chính của Công ty;
- Xây dựng và thực hiện kế hoạch kinh doanh trái phiếu, đại lý, bảo lãnh phát hành trái phiếu hàng năm phù hợp với quy mô và nhu cầu hoạt động kinh doanh chung;
- Xây dựng các Quy trình, Quy chế liên quan đến hoạt động nghiệp vụ của Phòng Nguồn vốn;
- Phối hợp chặt chẽ với các Ban, Khối, Trung tâm, Phòng liên quan thực hiện việc cân đối vốn đảm bảo an toàn và tối ưu hóa lợi nhuận.

3.14 Khối Hành chính – Nhân sự

- Xây dựng, giám sát và triển khai thực hiện các chính sách và quy trình có liên quan đến mua sắm, bảo trì, công tác văn thư lưu trữ trong toàn hệ thống Công ty theo quy định pháp luật hiện hành.
- Xây dựng Nội quy lao động, các Quy chế, Quy trình liên quan đến hoạt động của Khối.
- Quản lý việc sử dụng con dấu của Công ty theo đúng quy định.
- Quản lý, điều hành và duy trì hoạt động của Tổ xe.
- Tiếp nhận và hướng dẫn đối tác, khách hàng tới giao dịch với Công ty.
- Chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, hậu cần cho các buổi họp, hội thảo, giao ban, tiếp khách của Công ty.
- Quản lý, vận hành và duy trì cơ sở vật chất, trang thiết bị, máy móc làm việc, công cụ lao động của Công ty.

- Phụ trách an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ của Công ty.
- Đầu mối nhận các ý kiến đóng góp, đề xuất, thông tin phản hồi từ các đơn vị để xử lý, tham mưu giúp Ban lãnh đạo giải quyết.
- Thực hiện công tác quản lý nhân sự của Công ty (tuyển dụng, tiếp nhận, điều động, theo dõi sự biến động, quản lý hồ sơ Nhân sự).
- Theo dõi, giải quyết chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty.
- Xây dựng chính sách, hướng dẫn thực hiện thi đua khen thưởng/kỷ luật.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo theo tháng/quý/năm và tổ chức đào tạo cho cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống Công ty.
- Thực hiện các thủ tục xin cấp chứng chỉ hành nghề cho các cán bộ nghiệp vụ của TLS.
- Phối hợp với các đơn vị trong Công ty tổ chức các hoạt động xây dựng văn hóa doanh nghiệp, chăm lo sức khỏe và tạo sự gắn kết giữa các thành viên, đơn vị trong Công ty.
- Quản lý, tổng hợp toàn bộ báo cáo của từng đơn vị trong Công ty; theo dõi toàn bộ kết quả hoạt động kinh doanh và kế hoạch của từng đơn vị.

3.15 *Trung tâm Công nghệ thông tin*

- Tham mưu cho Tổng Giám đốc xây dựng hệ thống thông tin tổng thể của TLS để định hướng phát triển các hệ thống phần mềm, hệ thống hạ tầng kỹ thuật Công nghệ Thông tin theo mô hình đã được xây dựng nhằm mục đích Tin học hoá toàn bộ các nghiệp vụ quản lý của TLS.
- Xây dựng kế hoạch đầu tư mua sắm, nâng cấp hệ thống phần mềm và các thiết bị Công nghệ Thông tin phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Công ty.
- Quản lý thống nhất toàn bộ hệ thống phần mềm ứng dụng, hệ thống dữ liệu, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hệ thống trang thiết bị Công nghệ Thông tin hiện đang sử dụng trong toàn Công ty.
- Quản lý và phân quyền truy nhập hệ thống cho toàn bộ những người sử dụng.
- Trực tiếp xây dựng, bảo trì và vận hành hệ thống Công nghệ Thông tin luôn phù hợp và theo kịp các yêu cầu sử dụng, quản lý của các đơn vị chức năng.
- Phối hợp với các Ban, Khối, Trung tâm, Phòng chuyên môn giúp Tổng Giám đốc hoạch định kế hoạch phát triển và điều hành Công ty.
- Hỗ trợ kỹ thuật về Công nghệ Thông tin cho cán bộ nhân viên Công ty.

3.16 *Khối Marketing*

- Quản lý, thực hiện toàn bộ các hoạt động quảng cáo và quan hệ công chúng (PR) nhằm phát triển, quảng bá thương hiệu, sản phẩm dịch vụ của Công ty.
- Duy trì và phát triển quan hệ nội bộ, các mối quan hệ với đối tác, xây dựng hình ảnh Công ty trước công chúng ngày một tốt đẹp và bền vững.
- Phối hợp với Trung tâm Công nghệ Thông tin để thiết kế, quản trị nội dung Website. Duy trì, phát triển và cung cấp các dịch vụ ứng dụng trên công nghệ Web, xây dựng Website trở thành công cụ truyền thông chính và hiệu quả nhằm cung cấp thông tin, dịch vụ cho khách hàng, đối tác và nhân viên của TLS.

- Quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động nghiên cứu, phát triển thị trường bao gồm nghiên cứu đối thủ cạnh tranh, nghiên cứu phát triển môi trường kinh doanh, khách hàng, chính sách khách hàng; nghiên cứu phát triển sản phẩm, mạng lưới TLS nhằm đưa ra các giải pháp tối ưu phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

4. **Danh sách cổ đông sở hữu trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông của Công ty**

Bảng 1: Danh sách cổ đông sở hữu trên 5% vốn cổ phần của TLS

| TT | Cổ đông | Số CMND/ĐKKD | Địa chỉ | Cổ phần (CP) | Tỷ lệ % |
|----|-------------------------|---|---------------------------------|--------------|---------|
| 1 | Ngân hàng TMCP Quân Đội | 060297 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp ngày 30/09/1994 | Số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội | 50.750.000 | 63,438% |

Nguồn: Công ty CP Chứng khoán Thăng Long

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông Công ty (tính đến thời điểm ngày 4 tháng 6 năm 2010)

| STT | Cổ đông | Số lượng | Số cổ phần (cổ phần) | Giá trị (đồng) | Tỷ lệ (%) |
|-----------|-----------------------|------------|----------------------|------------------------|----------------|
| I | <u>Tổ chức</u> | 02 | 51.250.000 | 512.500.000.000 | 64,06 |
| 1 | Trong nước | 02 | 51.250.000 | 512.500.000.000 | 64,06 |
| 2 | Nước ngoài | 0 | 0 | 0 | 0 |
| II | <u>Cá nhân</u> | 523 | 28.750.000 | 28.750.000.000 | 35,94 |
| 1 | Trong nước | 523 | 28.750.000 | 28.750.000.000 | 35,94 |
| 2 | Nước ngoài | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | Tổng | 525 | 80.000.000 | 800.000.000.000 | 100,000 |

Nguồn: Công ty CP Chứng khoán Thăng Long

5. **Danh sách những công ty mẹ và công ty con của TLS, những công ty mà TLS đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với TLS**

5.1 **Công ty nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long**

Ngân hàng TMCP Quân đội

Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 060297 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp ngày 30/09/1994

Trụ sở chính : Số 3 Liễu Giai – Ba Đình – Hà Nội

Điện thoại : 046.266 1088

5.2 **Công ty mà TLS nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Không có**

6. **Hoạt động kinh doanh**

6.1 **Sản phẩm dịch vụ chính**

TLS được phép cung cấp đầy đủ các loại hình nghiệp vụ chứng khoán của 01 công ty chứng

khoán trên TTCK Việt Nam

a. Môi giới chứng khoán

Trong những năm trở lại đây, sự cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán diễn ra rất gay gắt, nhiều công ty đã tiến hành giảm phí, thậm chí miễn phí giao dịch trong 1 thời gian dài để thu hút các nhà đầu tư. Nhưng TLS luôn thực hiện cạnh tranh công bằng, đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ cung cấp cho các khách hàng.

Chính sách công ty thực hiện trong thời gian qua là tập trung chăm sóc tốt khách hàng hiện tại và tìm kiếm khách hàng mới trên cơ sở chất lượng dịch vụ, tiện ích sản phẩm, công nghệ hiện đại, phục vụ nhu cầu của Khách hàng nhanh và chính xác. Chính vì vậy, TLS ngày càng thu hút được nhiều khách hàng đến với Công ty, số lượng tài khoản quản lý không ngừng tăng lên, kết thúc năm 2009, số tài khoản là 26.939 tài khoản (gấp đôi so với năm 2008).

Ngoài ra, TLS tích cực quan hệ, hợp tác với các Tổ chức tín dụng để hỗ trợ khách hàng tiếp cận với các khoản tín dụng để đáp ứng nhu cầu vốn như ứng trước tiền bán chứng khoán và hỗ trợ vay cầm cố chứng khoán.

Thành công lớn nhất mà TLS đạt được trong năm 2009 đó là Công ty đã vươn lên nắm giữ vị trí số 1 về thị phần môi giới trên cả 2 sàn HNX và HOSE. Trước đó, năm 2008 Công ty chỉ đứng trong top 10 CTCK có thị phần môi giới lớn nhất, bước sang năm 2009 TLS đã chủ động, kịp thời nắm bắt cơ hội và đề ra chiến lược kinh doanh hợp lý để đạt được thành công như vậy.

b. Tư vấn doanh nghiệp

Hiện nay bộ phận tư vấn doanh nghiệp TLS đang cung cấp cho các khách hàng tổ chức nhiều dịch vụ tư vấn đa dạng về tài chính doanh nghiệp. Các nghiệp vụ được triển khai bao gồm:

- Tư vấn cổ phần hóa và chuyển đổi doanh nghiệp;
- Tư vấn và bảo lãnh phát hành cổ phiếu, trái phiếu;
- Tư vấn niêm yết/đăng ký giao dịch;
- Tư vấn tái cấu trúc tài chính;
- Mua lại và Sáp nhập;
- Thu xếp vốn cho doanh nghiệp, dự án;
- Tư vấn chính sách quan hệ nhà đầu tư (IR).

Với các dịch vụ tốt nhất và đội ngũ chuyên viên chuyên nghiệp, được đào tạo bài bản từ các trường đại học uy tín trong nước và quốc tế, Công ty Chứng khoán Thăng Long đã có một hệ thống khách hàng đa dạng. Trong những năm qua, Công ty Chứng khoán Thăng Long luôn là người đồng hành đáng tin cậy của khách hàng, uy tín của Công ty ngày càng được củng cố và phát triển. Khách hàng sử dụng dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp bao gồm trên 300 khách hàng là các Doanh nghiệp có uy tín thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Quốc phòng, Bộ Giao thông, Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ Xây dựng. Các doanh nghiệp đó chủ yếu thuộc ngành nghề: tài chính ngân hàng, bất động sản và xây dựng, khai thác khoáng sản, cao su, ...

Trong năm 2009, Công ty đã thực hiện tổng cộng hơn 80 hợp đồng tư vấn doanh nghiệp các loại, tăng gần gấp đôi số lượng hợp đồng ký kết trong năm 2008. Hoạt động tư vấn doanh nghiệp đã bắt đầu đi vào chiều sâu, mang tính chuyên môn hóa cao và mang lại hiệu quả. Tổng phí thu được xấp xỉ 10 tỷ đồng.

c. Tự doanh chứng khoán

Theo nhận định của nhiều chuyên gia kinh tế vào thời điểm cuối năm 2009, khủng hoảng tài chính đã chạm đáy và nền kinh tế đang dần phục hồi. Cùng với những nhận định riêng của

TLS, hoạt động đầu tư đã nắm bắt được các cơ hội và mang lại hiệu quả thiết thực cho Công ty. Khối đầu tư đã tập trung đẩy mạnh trading, cơ cấu lại danh mục nhằm tăng nhanh giá trị tài sản ròng của TLS đạt trên 700 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, hoạt động đầu tư luôn gắn chặt với nghiệp vụ quản lý rủi ro nhằm mang lại hiệu quả đầu tư cao nhất.

d. Hoạt động phân tích và tư vấn đầu tư

Hoạt động phân tích và tư vấn đầu tư được coi là một hoạt động gia tăng giá trị cho Khách hàng. TLS có một đội ngũ cán bộ, chuyên viên phân tích có trình độ cao, có kỹ năng phân tích, dự báo tốt, hiểu biết sâu sắc về thị trường chứng khoán. Hoạt động phân tích và tư vấn đầu tư của TLS đã kết nối được với khách hàng thông qua các báo cáo phân tích, chất lượng các báo cáo ngày càng được khách hàng đánh giá cao. Hoạt động phân tích đã góp phần thực hiện chiến lược hợp tác với các doanh nghiệp nhằm thu hút các doanh nghiệp tiềm năng về với TLS.

Các báo cáo phân tích đã cập nhật những thông tin mới nhất về tình hình thị trường chứng khoán thế giới và Việt Nam, đồng thời đưa ra các nhận định và khuyến nghị về cơ hội cho các nhà đầu tư. Bên cạnh đó, thông qua các buổi tọa đàm với khách hàng, các nhà đầu tư của TLS đã có bức tranh tổng quan về thị trường hàng tháng và định hướng đầu tư trong tương lai. Hoạt động phân tích đã góp phần tạo dựng hình ảnh và thương hiệu TLS.

e. Hoạt động lưu ký chứng khoán

Với tư cách là thành viên của Trung tâm Lưu ký chứng khoán, TLS đã giúp khách hàng lưu ký chứng khoán của các doanh nghiệp niêm yết, mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại TLS và thực hiện các dịch vụ liên quan, cụ thể là:

- Chuyển nhượng và thanh toán chứng khoán;
- Thực hiện quyền đối với chứng khoán;
- Phong tỏa/giải tỏa phong tỏa chứng khoán;
- Lưu ký sổ cổ đông cho các công ty đại chúng.

TLS xác định hoạt động lưu ký chứng khoán là hoạt động hỗ trợ cho các nhà đầu tư và doanh nghiệp là khách hàng của TLS và qua đó bổ trợ cho các mảng kinh doanh khác của TLS, do đó TLS không đề ra mục tiêu lợi nhuận cho hoạt động này.

6.2 Doanh thu qua các năm

Bảng 3: Cơ cấu Doanh thu thuần của Công ty

| Chỉ tiêu | Năm 2008 | | Năm 2009 | | Quý I/2010 | | Quý II/2010 | |
|--|------------------------|--------------|------------------------|--------------|------------------------|--------------|------------------------|--------------|
| | Giá trị (VND) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (VND) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (VND) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (VND) | Tỷ trọng (%) |
| Doanh thu môi giới CK | 33.028.090.000 | 9,5 | 191.467.716.000 | 28,30 | 50.211.687.830 | 13,94 | 86.225.446.305 | 24.81 |
| Doanh thu hoạt động đầu tư CK, góp vốn | 80.859.230.000 | 23,5 | 176.879.929.000 | 26,15 | 42.589.751.703 | 11,82 | 43.227.222.959 | 12.44 |
| Doanh thu hoạt động tư vấn | 3.120.728.000 | 1,0 | 4.541.503.000 | 0,7 | 160.272.728 | 0,04 | 757.090.807 | 0.22 |
| Doanh thu khác | 227.474.579.000 | 66 | 303.367.958.000 | 44,85 | 267.314.356.910 | 74,2 | 217.300.332.179 | 62.53 |
| DT thuần | 344.482.627.000 | 100 | 676.257.106.000 | 100 | 359.577.147.317 | 100 | 347.510.092.250 | 100 |

Bảng 4: Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh

| Chỉ tiêu | Năm 2008 | Năm 2009 | Quý I/2010 | Quý II/2010 |
|---------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị (VND) | Giá trị (VND) | Giá trị (VND) | Giá trị (VND) |
| Doanh thu thuần | 344.482.627.000 | 676.257.106.000 | 359.577.147.317 | 347.510.092.250 |
| Chi phí hoạt động kinh doanh CK | 323.245.596.000 | 536.008.870.000 | 303.083.284.679 | 287.011.510.621 |
| Lợi nhuận gộp | 21.237.031.000 | 140.248.236.000 | 56.493.862.638 | 60.498.581.629 |

(Nguồn: Công ty CP Chứng khoán Thăng Long)

6.3 Chi phí hoạt động

a. Tỷ trọng chi phí hoạt động trên Doanh thu thuần

Bảng 5: Tỷ trọng chi phí hoạt động trên Doanh thu thuần

| STT | Danh mục | Năm 2008 | | Năm 2009 | | Quý I/2010 | | Quý II/2010 | |
|-----------|--|------------------------|--------------|------------------------|--------------|------------------------|--------------|------------------------|--------------|
| | | Giá trị (VND) | %/DTT | Giá trị (VND) | %/DTT | Giá trị (VND) | %/DTT | Giá trị (VND) | %/DTT |
| I | Chi phí hoạt động kinh doanh CK | 323.245.596.000 | 93,83 | 536.008.870.000 | 79,26 | 303.083.284.679 | 84,29 | 287.011.510.621 | 82,59 |
| 1 | Chi phí môi giới CK | 10.860.888.781 | 3,2 | 96.564.774.925 | 14,3 | 32.442.480.267 | 9,02 | 30.200.799.779 | 8,69 |
| 2 | Chi phí hoạt động tự doanh | 110.063.154.238 | 32,0 | 170.077.622.379 | 25,1 | 48.291.237.920 | 13,43 | 33.462.972.625 | 9,63 |
| 3 | Chi phí hoạt động tư vấn | 529.925.072 | 0,2 | 1.331.100.311 | 0,2 | 67.624.325 | 0,02 | 127.656.337 | 0,04 |
| 4 | Chi phí khác | 201.791.627.910 | 58,6 | 268.035.372.385 | 39,6 | 222.281.942.167 | 61,82 | 223.220.081.881 | 64,23 |
| II | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 20.866.914.000 | 6,05 | 31.840.403.000 | 4,7 | 9.688.176.278 | 2,69 | 12.969.259.550 | 3,73 |
| | Tổng cộng | 344.112.510.000 | 99,88 | 567.849.273.000 | 83,96 | 312.771.460.957 | 86,98 | 299.980.770.171 | 86,32 |

(Nguồn: Công ty CP Chứng khoán Thăng Long)

b. Cơ cấu chi phí hoạt động

Bảng 6: Cơ cấu chi phí hoạt động

| STT | Danh mục | Năm 2008 | | Năm 2009 | | Quý I/2010 | | Quý II/2010 | |
|----------|--|------------------------|--------------|------------------------|--------------|------------------------|--------------|------------------------|--------------|
| | | Giá trị (VND) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (VND) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (VND) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (VND) | Tỷ trọng (%) |
| I | Chi phí hoạt động kinh doanh CK | 323.245.596.000 | 93,94 | 536.008.870.000 | 94,4 | 303.083.284.679 | 96,9 | 287.011.510.621 | 95,68 |

| | | | | | | | | | |
|-----------|-------------------------------------|------------------------|-------------|------------------------|------------|------------------------|------------|------------------------|-------------|
| 1 | Chi phí môi giới chứng khoán | 10.860.888.781 | 3,2 | 96.564.774.925 | 17,0 | 32.442.480.267 | 10,4 | 30.200.799.779 | 10,07 |
| 2 | Chi phí hoạt động tự doanh | 110.063.154.238 | 32,0 | 170.077.622.379 | 30,0 | 48.291.237.920 | 15,4 | 33.462.972.625 | 11,16 |
| 3 | Chi phí hoạt động tư vấn | 529.925.072 | 0,2 | 1.331.100.311 | 0,2 | 67.624.325 | 0,0 | 127.656.337 | 0,04 |
| 4 | Chi phí khác | 201.791.627.910 | 58,6 | 268.035.372.385 | 47,2 | 222.281.942.167 | 71,1 | 223.220.081.881 | 74,41 |
| II | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 20.866.914.000 | 6,06 | 31.840.403.000 | 5,6 | 9.688.176.278 | 3,1 | 12.969.259.550 | 4,32 |
| | Tổng cộng | 344.112.510.000 | 100 | 567.849.273.000 | 100 | 312.771.460.957 | 100 | 299.980.770.171 | 100 |

(Nguồn: Công ty CP Chứng khoán Thăng Long)

6.4 Trình độ Công nghệ

Trong lĩnh vực tài chính nói chung và chứng khoán nói riêng, hệ thống công nghệ thông tin đóng vai trò thiết yếu và quan trọng. Trong suốt quá trình hoạt động của công ty, Trung tâm Công nghệ thông tin đã đảm bảo hệ thống giao dịch hoạt động an toàn, hiệu quả, giảm thiểu tối đa các lỗi giao dịch. Hệ thống công nghệ thông tin cũng giúp đảm bảo hiệu quả làm việc của tất cả các nghiệp vụ trong nội bộ công ty.

Trung tâm đã liên tục thực hiện nghiên cứu, cải tiến và cập nhật các phần mềm mới, đem lại nhiều tiện ích cho các sản phẩm dịch vụ, góp phần xây dựng uy tín với Khách hàng.

6.5 Hoạt động Marketing

Nhận thức được rất rõ tầm quan trọng của hoạt động Marketing truyền thống đối với hoạt động công ty trong môi trường kinh doanh hiện đại, ngay từ khi mới thành lập Khối Marketing đã được xây dựng một cách bài bản và chuyên môn hóa độc lập trong cơ cấu tổ chức của công ty. Hoạt động Marketing đã có những đóng góp lớn trong hoạt động chung của Công ty, đáp ứng tối đa nhu cầu khách hàng và nâng cao hình ảnh, thương hiệu và vị thế của TLS trên thị trường tài chính chứng khoán. Hoạt động truyền thông của TLS năm qua đã được các nhà đầu tư đánh giá cao, các nhận định báo cáo của TLS thực sự có giá trị đối với nhà đầu tư.

Các sản phẩm mới của Công ty như SMS, Stock 24, Contact center... đã được Marketing chuyển giao đến tận tay khách hàng, nhận được những phản hồi tốt từ khách hàng. Bên cạnh đó, hoạt động nghiên cứu phát triển cũng bắt đầu phát huy được vị trí, trong tương lai hứa hẹn sẽ đóng góp lớn cho Công ty.

6.6 Nhận hiệu Thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

a. Logo Công ty CP Chứng khoán Thăng Long



b. Nội dung và ý nghĩa logo

Màu sắc chính là thông điệp đầu tiên mà TLS hướng đến khách hàng của mình và khách hàng cũng sẽ cảm nhận được điều này ngay lập tức. Ngoài ý nghĩa là yếu tố tác động lên mặt cảm xúc, trong đó thị giác là quan trọng nhất, màu sắc còn đóng một vai trò rất quan trọng trong việc khơi gợi trí nhớ của người khách hàng đối với thương hiệu.

Màu sắc logo mới của TLS được sử dụng lại như khẳng định sự thừa hưởng toàn bộ màu truyền thống của MB cũng như của TLS. Màu xanh thể hiện sự nghiêm túc, độc nhất, khỏe mạnh, sức mạnh, tinh tế và truyền thống. Mà thông điệp chính mang đến cho khách hàng là sự ổn định và tin tưởng.

Màu đỏ là màu sắc tác động trực tiếp lên tuyến yên của người nhìn, làm tăng nhịp đập của tim và là nguyên nhân khiến họ thở nhanh hơn, một đặc trưng, bản sắc năng động và tốc độ của ngành chứng khoán. Màu đỏ cũng là màu thu hút sự chú ý của mọi người nhiều nhất, thể hiện sự năng động, tràn đầy năng lượng, sự mạnh mẽ, quyết đoán và tạo ra cảm giác thách thức, kích thích trí tò mò. Đối với người Á Đông màu đỏ tượng trưng cho hạnh phúc, sự thịnh vượng và sự may mắn cho người sử dụng. Màu xanh tự tin đã làm dịu sức nóng của màu đỏ nhưng không kém phần quyết đoán, dám nghĩ dám làm tạo cảm giác mọi phản ứng, quyết định kinh doanh luôn nhanh chóng, chững chạc, đúng thời điểm nhưng không vội vã, độc đoán. Sự tương phản giữa hai màu xanh và màu đỏ đã được kết hợp hết sức tinh tế tạo nên logo đậm cá tính.

Ô vuông góc dưới bên trái màu xanh, mũi tên đỏ đi ra từ hình vuông tạo điểm nhấn hết sức thú vị cho logo nhìn về mặt tổng thể. Nó có ý nghĩa sự phát triển từ ổn định – vững chãi (đất vuông) và phát triển lớn hơn, rộng hơn.

c. Các phương án kết hợp phần chữ và phần hình khối trong logo TLS

Kiểu logo đặt biểu tượng và chữ ngang bằng để sử dụng với các ấn phẩm có kích thước lớn và rộng về bề ngang:



Kiểu logo đặt biểu tượng trên chữ để sử dụng với các ấn phẩm bị hẹp về bề ngang, hoặc quá dài:

**d. Mối liên hệ giữa MB - TLS**

Thương hiệu và bản sắc của TLS không chỉ được thể hiện qua Logo mà quan trọng hơn nó còn được thể hiện qua các ấn phẩm (danh thiếp, folder, thẻ nhân viên, giấy tiêu đề...) sử dụng trong nội bộ và giao tiếp ra bên ngoài.

Dựa trên nền tảng định vị TLS, kết hợp sự thể hiện mối liên kết với **MB** -- đơn vị chủ quản, các hạng mục trong bộ nhận diện thương hiệu TLS sử dụng màu sắc theo hệ màu của logo, đặc biệt, **logo MB** luôn được đặt ở vị trí trang trọng và là một phần không thể tách rời trong hệ thống nhận diện thương hiệu TLS.

6.7 Các hợp đồng lớn đã và đang được thực hiện hoặc ký kết

Bảng 7: Các hợp đồng lớn đã và đang được thực hiện hoặc ký kết

| STT | Tên HĐ | Tên đối tác | Nội dung |
|-----|-------------------|---|---|
| 1 | 002/2010/TLS/HĐTV | TCT CP XNK và xây dựng Việt Nam Vinaconex | Tư vấn, lập báo cáo thường niên |
| 2 | 003/2010/TLS/HĐTV | CTCP Quốc tế Sơn Hà | Tư vấn phát hành cổ phiếu ra công chúng |
| 3 | 004/2010/TLS/HĐTV | CTCP kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON | Tư vấn niêm yết cổ phiếu |
| 4 | 005/2010/TLS/HĐTV | CTCP đầu tư tổng hợp Hà Nội | Tư vấn phát hành cổ phiếu ra công chúng |
| 5 | 007/2010/TLS/HĐTV | Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội | Tư vấn niêm yết cổ phiếu |
| 6 | 008/2010/TLS/HĐTV | CTCP Vinavico | Tư vấn niêm yết cổ phiếu |
| 7 | 009/2010/TLS/HĐTV | CTCP X18 | Tư vấn phát hành cổ phiếu ra công chúng |
| 8 | 010/2010/TLS/HĐTV | CTCP đầu tư tài chính Thiên Hóa | Tư vấn niêm yết cổ phiếu |
| 9 | 010/2010/TLS/HĐTV | CTCP Cavico xây dựng cầu hầm | Tư vấn niêm yết cổ phiếu |
| 10 | 013/2010/TLS/HĐTV | CTCP đầu tư CEO | Tư vấn niêm yết cổ phiếu |
| 11 | 014/2010/TLS/HĐTV | CTCP đầu tư xây dựng và Phát triển Sông Đà | Tư vấn phát hành cổ phiếu ra công chúng |
| 12 | 015/2010/TLS/HĐTV | CTCP cơ điện và xây dựng Việt Nam | Tư vấn phát hành cổ phiếu ra công chúng |
| 13 | 016/2010/TLS/HĐTV | CTCP vận tải hóa dầu VP | Tư vấn phát hành cổ phiếu ra công chúng |
| 14 | 017/2010/TLS/HĐTV | CTCP cơ khí xây dựng số 18 – COMA 18 | Tư vấn niêm yết cổ phiếu |
| 15 | 018/2010/TLS/HĐTV | CT TNHH một thành viên xây dựng Lũng Lô | Tư vấn cổ phần hóa cho XN khảo sát thiết kế và TVXD |

| | | | |
|----|------------------------------|---|---|
| 16 | 019/2010/TLS/HĐTV | CT TNHH một thành viên xây dựng Lũng Lô | Tư vấn cổ phần hóa cho XNXD công trình ngầm |
| 18 | 07/2010/SBS-TV | CTCP đại ốc Sài Gòn Thương tín | Tư vấn Niêm yết CP |
| 19 | 37/2007/HĐTV | CT CP Chế biến Thủy sản Út Xi | Tư vấn Niêm yết cổ phiếu |
| 20 | 45/2007/HĐTV | CT Thuốc Thú y TW Navetco | Tư vấn Cổ phần hóa |
| 21 | 24/2008/HĐTV | CTCP Chế biến Thủy sản và XNK Cà Mau | Tư vấn Niêm yết cổ phiếu |
| 22 | 11/2009/HĐTV | Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai | MA |
| 23 | 14/2009/HĐTV | Công ty Công trình Đô thị Thành phố Vũng Tàu | Tư vấn Cổ phần hóa |
| 24 | 13/2009/HĐTV | Công ty Công trình đô thị TX Bà Rịa | Tư vấn Cổ phần hóa |
| 25 | 18/2009/HĐTV | Công ty CP Tập Đoàn Tân Mai | Thành lập CTCP |
| 26 | 27/2009/HĐTV | CT Cao su Bình Long | Tư vấn Cổ phần hóa |
| 27 | 206/09/CSPR | CT Cao su Phú Riềng | Tư vấn Cổ phần hóa |
| 28 | 32/2009/HĐTV 02/2010/HĐTV | CTCP Đầu tư Tấn Hưng | Tư vấn Niêm yết cổ phiếu và Tái cấu trúc |
| 29 | 34/2009/HĐTV | CTCP Xây dựng Bình Chánh | Bảo lãnh phát hành |
| 30 | 39/2009/HĐTV | CTCP Tập đoàn Tân Mai | Tư vấn Niêm yết cổ phiếu |
| 31 | 06/2010/HĐTV | CTCP Phú Tài | Tư vấn Niêm yết cổ phiếu |
| 32 | 08/2010/HĐTV | CTCP Đầu tư và Phát triển Xây dựng INVESTCO | Tư vấn Niêm yết cổ phiếu |
| 33 | 11/2010/HĐTV | CTCP DID Đồng Tiến | Tư vấn phát hành cổ phiếu ra công chúng |
| 34 | 12/2010/HĐTV | CTCP Phát triển hạ tầng & BĐS Thái Bình Dương | Tư vấn phát hành cổ phiếu ra công chúng |
| 35 | 13A/2010/HĐTV | CTCP Xây dựng và Kinh doanh Vật tư | Tư vấn phát hành cổ phiếu ra công chúng |
| 36 | 21/2010/HĐTV | Tập đoàn Công nghiệp cao su VN | Chuyển đổi |
| 37 | 05/2009/HĐTV | Xí nghiệp Hải Âu | Tư vấn Cổ phần hóa |
| 38 | 22/2009/HĐTV | CTCP Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng | NY – Roadshow |

| | | | |
|----|--------------|--------------------------------|--------------------------|
| 39 | 31/2009/HĐTV | CT CP Du lịch BĐS Ninh Vân Bay | Tư vấn Niêm yết cổ phiếu |
|----|--------------|--------------------------------|--------------------------|

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 02 năm gần nhất

7.1 Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh trong năm 2008, 2009

Bảng 8: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh trong năm 2008, 2009

ĐVT: đồng

| STT | Chỉ tiêu | 2008 | 2009 | Tăng/giảm % |
|-----|-----------------------------------|-------------------|-------------------|-------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 1.941.970.137.000 | 4.645.522.367.000 | 239,2 |
| 2 | Doanh thu thuần | 344.482.627.000 | 676.257.106.000 | 196,3 |
| 3 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 373.160.000 | 108.408.136.000 | 290,5 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | 373.160.000 | 108.408.136.000 | 290,5 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | 373.160.000 | 97.323.499.000 | 261,78 |
| 6 | Cổ tức | 0 | 1.000 | |
| 7 | Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu | 10 | 1.959 | 19.590 |

(Nguồn: Công ty CP Chứng khoán Thăng Long)

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

a. Nhân tố thuận lợi

- Năm 2009, Chính phủ thực hiện thành công các biện pháp kích thích kinh tế trong đó có gói kích cầu 8 tỷ USD với gói hỗ trợ lãi suất cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn và một số chính sách vĩ mô khác đã phần nào có ảnh hưởng tốt và giúp TTCK hồi phục trở lại. Hai chỉ số VN-Index và HNX-Index đã phục hồi mạnh. Số lượng công ty mới niêm yết tăng vọt, trong đó nhiều cổ phiếu của hàng loạt tập đoàn lớn đã được niêm yết như CTG, VCB, OGC... Giao dịch trực tuyến cũng được áp dụng khiến việc giao dịch trở nên dễ dàng hơn. Trong năm 2009 thêm sàn UPCOM được thành lập dành riêng cho những công ty đại chúng đăng ký giao dịch.
- Đội ngũ lãnh đạo của Công ty đều là những người có tâm huyết, chuyên môn và kinh nghiệm lâu năm trong nghề. Cổ đông lớn là Ngân hàng TMCP Quân đội là một trong những ngân hàng có uy tín trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, góp phần vào việc xây dựng được một hình ảnh uy tín về TLS và hậu thuẫn tốt trong việc tạo dựng các mối quan hệ đối tác.
- Bộ máy chuyên môn hoạt động theo một quy trình định hướng rõ ràng với việc phân công chức năng nhiệm vụ cho từng phòng ban và từng cá nhân cụ thể đảm bảo việc khai thác được triệt để và hiệu quả nhất năng lực của nhân sự.

b. Nhân tố ảnh hưởng bất lợi

- Năm 2009 là một năm đầy biến động đối với nền kinh tế thế giới, cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đã chạm đáy và kinh tế thế giới đang dần phục hồi với những dấu hiệu khả quan. Tuy nhiên, nền kinh tế thế giới hậu khủng hoảng với những rủi ro tiềm ẩn đang gây mất ổn

định trên thị trường tài chính của nhiều quốc gia, trong đó Việt Nam và TTCK Việt Nam cũng không là ngoại lệ.

Kim ngạch xuất khẩu 2009 suy giảm nghiêm trọng, nhập siêu vẫn còn rất lớn, thâm hụt ngân sách cao và kiều hối giảm, FDI trong năm vẫn có sự suy giảm đáng kể, lạm phát tuy đã được kiểm soát tương đối nhưng sức ép gia tăng vẫn luôn tiềm ẩn... Đây là nguyên nhân tạo ra nhiều rủi ro với các bên tham gia thị trường và tác động không tốt đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Thị trường chứng khoán Việt Nam đang trong giai đoạn tăng trưởng nhưng tính ổn định không cao, thiếu sự đồng bộ và sự bền vững, tính chuyên nghiệp của các nhà đầu tư thấp. Ngoài ra, cơ chế quản lý, tổ chức và giám sát cũng như quy định của pháp luật và hệ thống văn bản pháp lý trên TTCK còn nhiều điểm còn đang trong quá trình hoàn thiện, khiến cho dòng vốn đầu tư vào chứng khoán còn bị hạn chế; và phần nào những yếu tố này cũng ảnh hưởng rất mạnh, rất trực tiếp đến các hoạt động và doanh thu của Công ty.
- Mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt từ các công ty chứng khoán khác thêm vào đó là cuộc chiến giành giật thị phần giữa các công ty chứng khoán ngày càng khốc liệt. Hàng loạt công ty đã tiến hành giảm phí, thậm chí miễn phí giao dịch trong một thời gian dài để thu hút nhà đầu tư. Cạnh tranh bằng phí thay vì chất lượng dịch vụ đã khiến môi trường kinh doanh nhiều lúc bị méo mó và cái giá phải trả chính là tổn thất của bản thân công ty chứng khoán và cả nhà đầu tư.

8. Vị thế của Công ty so với các Doanh nghiệp khác cùng Ngành

8.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty Chứng khoán Thăng Long tự hào là một trong năm công ty chứng khoán đầu tiên thành lập tại Việt Nam, với số vốn điều lệ ban đầu là 9 tỷ đồng. Qua 10 năm hoạt động và phát triển, vốn điều lệ của Công ty đã tăng lên 800 tỷ đồng, quy mô vốn đứng thứ 6 trong số 105 Công ty chứng khoán được cấp phép hoạt động trên TTCK của UBCKNN tính đến hết năm 2009.

• Giải thưởng

Công ty CP Chứng khoán Thăng Long đã ngày càng khẳng định vị thế trên thị trường, trong năm 2009 TLS vinh dự được nhận các danh hiệu:

- “Dịch vụ Tin và dùng Việt Nam” do Thời báo kinh tế Việt Nam bình chọn
- “Công ty chứng khoán được yêu thích nhất” trên HNX do Báo đầu tư kết hợp với Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội bình chọn.

• Thị phần

Thành công lớn nhất mà TLS đạt được trong năm 2009 đó là Công ty đã vươn lên nắm giữ vị trí **SỐ 1** về thị phần môi giới trên cả 2 sàn HNX và HOSE. Trước đó, năm 2008 Công ty chỉ đứng trong top 10 CTCK có thị phần môi giới lớn nhất. Bước sang năm 2009, TLS đã chủ động, kịp thời nắm bắt cơ hội và đề ra chiến lược kinh doanh hợp lý để đạt được thành công như vậy.

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

TTCK Việt Nam đã vận hành được 10 năm. Sự ra đời của TTCK đánh dấu một sự phát triển mới của nền kinh tế Việt Nam và là một tác nhân quan trọng thúc đẩy nền kinh tế phát triển cũng như quá trình hội nhập kinh tế, xã hội của Việt Nam.

Nếu như 05 năm đầu tiên (2000 – 2005) TTCK Việt Nam không có ghi nhận nào thì từ năm 2006 đến nay, thị trường đã đánh dấu mức tăng trưởng nhảy vọt, mặc dù ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu 2008 TTCK Việt Nam cũng đã trải qua một giai đoạn vô cùng khó khăn. Tuy vậy đến thời điểm hiện tại, cùng với nền kinh tế, TTCK Việt Nam đã có những bước phục hồi.

Trong chiến lược phát triển TTCK Việt Nam đến 2010 tầm nhìn 2020 được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 128/2007/QĐ-TTg ngày 02/08/2007 đã đặc biệt chú trọng đến việc phát triển TTCK trở thành một kênh dẫn vốn và huy động vốn trung và dài hạn cho nền kinh tế Việt Nam:

- Đưa tổng giá trị vốn hóa thị trường đạt từ 50% đến 70% GDP vào năm 2020 với thị trường cổ phiếu niêm yết và thu hẹp thị trường tự do.
- Chú trọng phát triển thị trường trái phiếu Chính phủ để làm nền tảng cho việc phát triển thị trường trái phiếu Công ty.
- Tái cấu trúc TTCK, hiện đại hóa cơ sở hạ tầng phục vụ thị trường: hệ thống giao dịch, hệ thống đăng ký, lưu ký, thanh toán và bù trừ.
- Tập trung nâng cao mức độ thanh khoản của TTCK theo định hướng sự phát triển của TTCK với quy mô tăng trưởng nhanh, bền vững, hạn chế tối đa rủi ro và đảm bảo TTCK có sức đề kháng cao, có khả năng thích ứng nhanh, linh hoạt trước những biến động trong và nước ngoài.
- Định chế hóa thị trường để tập trung phát triển một cơ sở cầu chứng khoán ổn định, bền vững và chuyên nghiệp thông qua các định chế trung gian thị trường (các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ...)

Đề án trên hứa hẹn đem lại triển vọng phát triển của thị trường vốn Việt Nam nói chung và TTCK nói riêng cũng như tương lai phát triển mạnh mẽ của các Công ty chứng khoán.

8.3 ĐÁNH GIÁ SWOT

Điểm mạnh

- Chiến lược phát triển phù hợp với định hướng phát triển của TTCK Việt Nam trên cơ sở tập trung nguồn nhân lực chất lượng cao và những cam kết về dịch vụ đối với khách hàng;
- Có được sự hậu thuẫn mạnh mẽ của Ngân hàng TMCP Quân Đội;
- Cơ chế hoạt động có thay đổi lớn, tạo động lực cho sự phát triển;
- Lợi thế của một trong những doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực chứng khoán với mạng lưới nhà đầu tư tổ chức, cá nhân rộng lớn;
- Đội ngũ chuyên viên trẻ, chuyên nghiệp, nhiệt tình với công việc, được đào tạo cơ bản tại các trường đại học danh tiếng trong nước và quốc tế.

Điểm yếu

- **Mới trải qua quá trình chuyển đổi hình thức sở hữu, thương hiệu chưa được định hình rõ ràng;**
- Khó khăn trong việc tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng tốc độ phát triển nhanh;
- Việc đầu tư công nghệ thông tin còn gặp khó khăn do những thay đổi của cơ chế quản lý thị trường **chứng khoán.**

Cơ hội

- Nhu cầu huy động vốn cho nền kinh tế trong thời gian sắp tới sẽ tăng cao;
- Thị trường chứng khoán đang phát triển theo hướng bền vững và dần trở thành kênh huy động vốn hiệu quả đối với nhiều doanh nghiệp;
- Chương trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước đang được Chính phủ thúc đẩy và triển khai nhanh chóng;
- Thị trường cho các dịch vụ của công ty chứng khoán là thị trường có tốc độ tăng trưởng tương đối cao.

Thách thức

- Quy mô thị trường chứng khoán Việt Nam còn nhỏ;
- Thị trường chứng khoán phát triển quá nhanh trong thời gian ngắn nên sẽ dễ có những biến động bất thường do chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố;
- Số lượng công ty chứng khoán gia tăng so với quy mô của thị trường dẫn tới cạnh tranh gay gắt, đặc biệt trong các lĩnh vực môi giới và tư vấn doanh nghiệp;
- Hiểu biết của doanh nghiệp và nhà đầu tư về các dịch vụ và sản phẩm tài chính, đầu tư còn tương đối hạn chế.

9. Chính sách đối với người lao động

Tính đến thời điểm 31/05/2010, TLS có tổng cộng 473 người (bao gồm 463 người toàn thời gian và 10 người bán thời gian) phân bổ như sau:

Bảng 9: Cơ cấu Lao động

| STT | Trình độ | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%) |
|-----|------------------|------------------|------------|
| 1 | Trên đại học | 32 | 6.77 |
| 2 | Đại học | 402 | 84.99 |
| 3 | Khác | 39 | 8.25 |
| | Tổng cộng | 473 | 100 |

(Nguồn: Công ty CP Chứng khoán Thăng Long)

9.1 Chính sách Lương, Thưởng

Chính sách tiền lương của TLS được xây dựng trên cơ sở đảm bảo tính cạnh tranh với các công ty khác cùng ngành đồng thời khuyến khích cao nhất sự cống hiến từ phía nhân viên. Thu nhập của người lao động là phức hợp của lương cơ bản và các loại tiền thưởng dưới hình thức tiền mặt hoặc cổ phiếu thưởng.

Lương cơ bản được xác định dựa trên trình độ chuyên môn và kinh nghiệm làm việc thực tế của mỗi cá nhân, kết hợp xem xét với mức độ phức tạp của công việc.

Lương thưởng được xác định bằng bội số của lương cơ bản hàng tháng. Mức thưởng cụ thể được quyết định dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty cũng như kết quả làm việc của cá nhân người lao động.

9.2 Chế độ Thu hút, Tuyển dụng và Đào tạo Nhân lực

a. Tuyển dụng, Thu hút Nguồn Nhân lực

Với thế mạnh sẵn có về công nghệ thông tin, Công ty chủ động sử dụng lượng truy cập cao trên website TLS để thu hút các cá nhân quan tâm đến cơ hội nghề nghiệp với Công ty; đồng thời kết hợp chặt chẽ với với các công ty chuyên về dịch vụ nhân sự để trợ giúp tuyển chọn những ứng viên phù hợp. Các cá nhân được tuyển dụng đều đảm bảo có bằng cấp phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Công ty, có tố chất ham học hỏi, sáng tạo và có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có khả năng hòa nhập tốt với văn hóa Công ty và đặc biệt đề cao đạo đức nghề nghiệp.

Tương tự như tôn chỉ hoạt động của TLS – ứng dụng một hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, các quy trình được chuẩn hóa nhằm đem đến cho khách hàng dịch vụ với giá cả phải chăng nhất; bộ phận nhân sự của TLS không chủ trương chạy theo những mục tiêu thu hút nhân lực ngắn hạn mà có chức năng tuyển dụng, đảm bảo sự gắn bó và thu nhập ổn định lâu dài cho người lao động.

b. Đào tạo

TLS luôn ý thức được tầm quan trọng của chất lượng đội ngũ nhân lực đối với thành công của Công ty, đặc biệt với một lĩnh vực đòi hỏi hàm lượng chất xám cao như chứng khoán. Mọi vị trí trong Công ty đều có sơ đồ mô tả công việc rõ ràng và có quy trình huấn luyện chuẩn giúp các nhân viên mới gia nhập TLS nhanh chóng nắm vững yêu cầu công việc và từ đó phát triển nâng cao nghiệp vụ.

Nhằm liên tục nâng cao chất lượng nhân lực, Công ty đã thành lập Trung tâm đào tạo để tổ chức các buổi đào tạo nội bộ giúp đội ngũ nhân viên nâng cao kỹ năng nghiệp vụ cũng như hợp tác với các công ty đào tạo chuyên nghiệp bên ngoài tổ chức các khóa huấn luyện kỹ năng mềm cho toàn thể nhân viên.

10. Chính sách cổ tức

Chính sách cổ tức của Công ty phải đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của Luật Doanh nghiệp, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và cơ cấu tái đầu tư cho phát triển. Cụ thể như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của ĐHĐCĐ.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHĐCĐ quyết định dựa trên đề xuất của HĐQT với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Năm 2009, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông với tỷ lệ là 10%.

11. Tình hình tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

a. Trích Khấu hao Tài sản Cố định

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng của tài sản như sau:

- | | |
|-----------------------|-----------|
| ○ Máy móc, Thiết bị | : 3-6 năm |
| ○ Phương tiện vận tải | : 6 năm |
| ○ Phần mềm quản lý | : 5 năm |
| ○ Vật kiến trúc | : 5 năm |

b. Thanh toán các Khoản nợ đến hạn

Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn tất cả các khoản nợ, đảm bảo uy tín của Công ty trên thị trường. Hiện nay Công ty không có nợ quá hạn.

c. Các Khoản phải nộp theo Luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc kê khai và nộp đầy đủ các khoản phải nộp theo quy định hiện hành của Nhà nước.

d. Trích lập các quỹ

Công ty thực hiện chia cổ tức và trích lập các quỹ dựa trên cơ sở lợi nhuận hàng năm và kế hoạch phát triển của Công ty theo đúng Điều lệ Công ty và Luật định. Mức trích cho từng quỹ được các thành viên HĐQT thống nhất và được ĐHĐCĐ thường niên thông qua. Công ty thực hiện trích lập các quỹ như sau:

- Quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ : bằng 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty;
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ: bằng 5% lợi nhuận ròng cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ;
- Quỹ khen thưởng;
- Quỹ Phúc lợi;
- Các quỹ khác theo quyết định của ĐHĐCĐ, phù hợp quy định pháp luật.

e. Tình hình công nợ hiện nay

Bảng 10: Tổng số nợ phải thu năm 2008, 2009 và Quý I, Quý II/2010

ĐVT: đồng

| Chỉ tiêu | 2008 | 2009 | Quý I/2010 | Quý II/2010 |
|--|------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Phải thu của khách hàng | 745.512.645.000 | 1.884.852.723.000 | 4.010.966.230.280 | 4.506.336.396.837 |
| Trả trước cho người bán | 774.308.000 | 106.710.000 | 957.784.500 | 2.760.637.000 |
| Phải thu hoạt động giao dịch CK | 233.045.000 | 58.818.000 | 0 | 0 |
| Phải thu khác | 28.285.842.000 | 39.300.333.000 | 74.176.102.809 | 137.082.999.375 |
| Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi | (889.993.000) | (213.904.000) | (213.903.500) | (213.903.500) |
| Tổng cộng | 773.915.847.000 | 1.924.104.680.000 | 4.085.886.214.089 | 4.645.966.129.712 |

(Nguồn: Công ty CP Chứng khoán Thăng Long)

Bảng 11: Tổng số nợ phải trả năm 2008, 2009 và Quý I, Quý II/2010

ĐVT: đồng

| Chỉ tiêu | 2008 | 2009 | Quý I/2010 | Quý II/2010 |
|-------------------------|------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Tổng Nợ Ngắn hạn | 930.050.679.000 | 3.501.924.811.000 | 4.801.501.368.261 | 5.704.220.983.996 |
| Vay và nợ ngắn hạn | 630.000.000.000 | 2.615.950.200.000 | 3.831.049.000.000 | 4.727.040.000.000 |

| | | | | |
|--|--------------------------|------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Phải trả người bán | 6.007.559.000 | 1.235.962.000 | 68.230.464.800 | 68.270.460.796 |
| Người mua ứng trước | 669.000.000 | 972.662.000 | 1.303.159.818 | 2.143.859.818 |
| Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu | 13.004.797.000 | 39.200.447.000 | 1.718.617.057 | 5.103.581.743 |
| Thuế và các khoản phải nộp NN | 1.447.091.000 | 12.413.522.000 | 28.486.933.848 | 23.832.984.729 |
| Phải trả người lao động | 0 | 1.469.141.000 | 2.540.723.846 | 3.687.607.455 |
| Chi phí phải trả | 47.233.084.000 | 44.268.049.000 | 80.852.348.868 | 138.425.961.078 |
| Phải trả TC phát hành CK | 3.730.584.000 | 2.883.608.000 | 18.287.883.290 | 43.606.421.290 |
| Phải trả phải nộp khác | 760.755.000 | 1.242.729.000 | 769.032.236.734 | 1.024.921.066 |
| Thanh toán giao dịch chứng khoán | 227.197.809.000 | 782.288.491.000 | 0 | 691.085.186.021 |
| Nợ dài hạn | 571.623.454.000 | 168.339.719.000 | 1.112.082.219.401 | 800.040.594.401 |
| TỔNG CỘNG | 1.501.674.133.000 | 3.670.254.530 | 5.913.583.587.662 | 6.504.261.578.397 |

(Nguồn: Công ty CP Chứng khoán Thăng Long)

11.2 Các Chỉ tiêu Tài chính chủ yếu

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2008 | Năm 2009 | Quý I/2010 | Quý II/2010 |
|--|------|----------|----------|------------|-------------|
| 1. Khả năng thanh toán ngắn hạn | | | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn | lần | 1,37 | 1,19 | 1,38 | 1,19 |
| Hệ số thanh toán nhanh | lần | 1,37 | 1,19 | 1,38 | 1,19 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 77,33 | 79,00 | 85,40 | 86,35 |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | lần | 3.41 | 3.76 | 5.86 | 6,33 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | | | |
| Vòng quay vốn lưu động | Vòng | 0.198 | 0.248 | 0.067 | 0,051 |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân | lần | 0.157 | 0.205 | 0.062 | 0,057 |
| 4. Tỷ suất sinh lời | | | | | |
| Hệ số LNST/DTT | % | 0,11 | 14,44 | 10.26 | 11,26 |
| Hệ số LNST/VCSH bình quân | % | 0,09 | 13.8 | 3.73 | 3,92 |
| Hệ số LNST/TTS bình quân | % | 0.02 | 2.97 | 0.16 | 0,64 |

| | | | | | |
|---------------------------------------|---|-------|-------|-------|-------|
| Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần | % | 0,11 | 16,03 | 10,26 | 17,41 |
| 5. Vốn khả dụng/Tổng nợ điều chỉnh | % | 10,25 | 23,14 | 13,58 | 8,59 |
| 6. Nợ ngắn hạn/Tổng tài sản | % | 47,9 | 75,37 | 69,36 | 75,73 |
| 7. Giá trị còn lại của TS/Vốn điều lệ | % | 7,2 | 3,93 | 3,95 | 3,2 |

(Nguồn: Công ty CP Chứng khoán Thăng Long)

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1 Hội đồng quản trị

Bảng 12: Danh sách Hội đồng quản trị

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số CP nắm giữ (Cổ phần) |
|-----|------------------------|--------------|-------------------------|
| 1 | Ông Lê Văn Bé | Chủ tịch | 17.191.200 |
| 2 | Ông Lê Đình Ngọc | Phó Chủ tịch | 977.200 |
| 3 | Ông Trịnh Khắc Hậu | Ủy viên | 847.960 |
| 4 | Ông Trương Quang Khánh | Ủy viên | 18.270.000 |
| 5 | Ông Phan Phương Anh | Ủy viên | 150.400 |
| 6 | Bà Nguyễn Minh Châu | Ủy viên | 16.240.000 |

a. Chủ tịch HĐQT - Ông Lê Văn Bé

Họ và tên: : Lê Văn Bé
 Giới tính: : Nam
 Ngày, tháng, năm sinh: : 28/12/1947
 Nơi sinh: : Hà Tĩnh
 Quốc tịch: : Việt Nam
 Giấy CMND/Hộ chiếu số: : 2A7E410322 cấp ngày 15/11/1998 tại Bộ Quốc Phòng.
 Hộ khẩu thường trú: : 6-B12 Hồ Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội
 Chỗ ở hiện tại: : 6-B12 Hồ Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội
 Trình độ văn hoá: : Đại học Tài chính kế toán
 Trình độ chuyên môn: : Tài chính kế toán
 Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

| Thời gian | Trường đào tạo | Chuyên ngành đào tạo |
|-------------|---------------------------|----------------------|
| 1966 - 1970 | Đại học Tài chính kế toán | Tài chính – Kế toán |

Quá trình làm việc:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|------------------|---|--|
| 1970 - 1974 | Tổng cục Hậu cần | Trợ lý tại Phòng Tài chính |
| 1975 -1989 | Tổng cục Kỹ thuật | Trợ lý tại Phòng Tài chính |
| 1990 -6/1995 | Vụ Tài chính – Tổng cục Công nghiệp quốc phòng Việt Nam | Phó Vụ trưởng Vụ tài chính |
| 3/1993 – 8/1995 | Vụ Tài chính – Tổng cục Công nghiệp quốc phòng Việt Nam | Trực tiếp xây dựng đề án thành lập Ngân hàng TMCP Quân Đội Trưởng ban tư vấn Thư ký của Hội đồng quản trị |
| 8/1995 – 12/2009 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Tổng Giám đốc |
| 1/2010 đến nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng quản trị NH Quân đội |

Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác:

+ Phó Chủ tịch thứ nhất Ngân hàng TMCP Quân đội

Số cổ phần sở hữu và đại diện : 17.191.200 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân: 901.200 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: 16.240.000 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

Các khoản nợ đối với Công ty : không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : không

Hành vi vi phạm pháp luật : không

b. Phó Chủ tịch HĐQT – Ông Lê Đình Ngọc

Họ và tên : Lê Đình Ngọc

Giới tính : Nam

Ngày, tháng, năm sinh : 22/10/1976

Nơi sinh : Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Số CMND/hộ chiếu : 011753533 cấp ngày 10/5/2001 tại CA Hà Nội

Hộ khẩu thường trú : A2/6 TT Long Giang, 105 Nguyễn Phong Sắc, Tổ 69 Dịch vọng, Cầu Giấy

Chỗ ở hiện tại : A2/6 TT Long Giang, 105 Nguyễn Phong Sắc, Tổ 69 Dịch
vọng, Cầu Giấy

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

| Thời gian | Trường đào tạo | Chuyên ngành đào tạo |
|-------------|---------------------|---|
| 1994 - 1998 | ĐH Kinh tế quốc dân | Cử nhân tài chính ngân hàng |
| 2000 - 2003 | ĐH Kinh tế quốc dân | Thạc sĩ tài chính ngân hàng và thị trường tiền tệ |

Quá trình làm việc:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|--------------|--------------------------------|----------------------------------|
| 1999 - 2001 | Ngân hàng Quân đội | Cán bộ phòng quản lý dự án |
| 2001 - 2004 | Công ty Chứng khoán Thăng Long | Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh |
| 2004 - 2006 | Công ty Chứng khoán Thăng Long | Phó Giám đốc |
| 2006 đến nay | Công ty Chứng khoán Thăng Long | Tổng Giám đốc |

Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác:

- + Thành viên HĐQT Công ty Quản lý quỹ MB
- + Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư Tài chính Thăng Long
- + Thành viên BKS Công ty địa ốc MB
- + Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư C.E.O
- + Thành viên HĐQT Công ty CP Vận tải và thuê tàu

Số cổ phần sở hữu : 977.200 cổ phiếu

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

Các khoản nợ đối với Công ty : không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : không

Hành vi vi phạm pháp luật : không

c. Ủy viên HĐQT - Ông Trịnh Khắc Hậu

Họ và tên : Trịnh Khắc Hậu

Giới tính : Nam

Ngày, tháng, năm sinh : 11/10/1969
Nơi sinh : Thanh Hóa
Quốc tịch : Việt Nam
Số CMND/hộ chiếu : 013122240 cấp ngày 08/10/2008 tại CA Hà Nội
Hộ khẩu thường trú : A901 chung cư M3-M4 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, HN
Chỗ ở hiện tại : A901 chung cư M3-M4 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, HN
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ Khoa học Kỹ thuật
Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

| Thời gian | Trường đào tạo | Chuyên ngành đào tạo |
|-------------|----------------------------------|--|
| 1987 -1992 | Trường Quản lý Kinh tế Maxcova | Tổ chức và quản lý kinh tế trong xây dựng và kinh tế thành phố |
| 1994 - 1998 | Học viện giao thông thủy Maxcova | Kinh tế vận tải Biển |

Quá trình làm việc:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|-----------------|--------------------------------|--------------------|
| 1998 - 2001 | Tập đoàn King Lion – CHLB Nga | Giám đốc chi nhánh |
| 2001 - 2004 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó phòng QL Dự án |
| 2005 - 2007 | Công ty Chứng khoán Thăng Long | Phó Giám đốc |
| T1/2008 đến nay | Công ty Chứng khoán Thăng Long | Phó Tổng Giám đốc |

Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác:

+ Thành viên HĐQT Công ty Đầu tư tài chính Thăng Long

+ Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư Bất động sản Hưng Long

Số cổ phần sở hữu : 847.960 cổ phiếu

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

Các khoản nợ đối với Công ty : không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : không

Hành vi vi phạm pháp luật : không

d. Ủy viên HĐQT - Ông Trương Quang Khánh

Họ và tên : Trương Quang Khánh

Giới tính : Nam
Ngày, tháng, năm sinh : 04/08/1953
Nơi sinh : Quảng Nam
Quốc tịch : Việt Nam
Số CMND/hộ chiếu : 7A7E970994 do Bộ Quốc Phòng cấp ngày 15/3/2006
Hộ khẩu thường trú : Số 94 phố Đốc Ngữ - Quận Ba Đình - HN
Chỗ ở hiện tại : Số 94 phố Đốc Ngữ - Quận Ba Đình - HN
Trình độ văn hoá : 10/10
Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ Khoa học Quân Sự
Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

| Thời gian | Trường đào tạo |
|-------------------|-------------------------------------|
| 6/1971 – 8/1972 | Học viện Kỹ thuật Quân sự |
| 9/1972 – 11/1977 | Học viện Công binh Quybisep Liên Xô |
| 9/1981 – 10/1983 | Học viện Công binh Quybisep Liên Xô |
| 4/1996 – 11/1996 | Học viện chính trị quân sự Lớp A |
| 9/1997 – 1/1998 | Học viện Quốc Phòng |
| 12/2003 – 12/2007 | Nghiên cứu sinh học viện Quốc Phòng |

Quá trình làm việc:

| Thời gian | Nơi làm việc |
|------------------|---|
| 1995 - 2000 | Phó Tư lệnh kiêm Tham mưu trưởng Binh chủng Công binh |
| 2000 - 2004 | Tư lệnh Binh chủng Công binh |
| 2004 - 2005 | Phó tư lệnh Quân Khu 1 |
| 2005 - 2007 | Chủ nhiệm Tổng cục Kỹ thuật |
| 2008 – 2/2009 | Chủ nhiệm Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng |
| 3/2009 – 10/2009 | Thứ trưởng Bộ Quốc Phòng kiêm Chủ nhiệm Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng |
| 10/2009 đến nay | Thứ trưởng Bộ Quốc Phòng |

Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác:

+ Thứ trưởng Bộ Quốc Phòng

+ Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội

Số cổ phần đại diện : 18.270.000 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

Các khoản nợ đối với Công ty : không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : không

Hành vi vi phạm pháp luật : không

e. Ủy viên HĐQT - Ông Phan Phương Anh

Họ và tên : Phan Phương Anh

Giới tính : Nam

Ngày, tháng, năm sinh : 21/03/1976

Nơi sinh : Nghệ An

Quốc tịch : Việt Nam

Số CMND/hộ chiếu : 182039237 cấp ngày 29/7/2006 tại Nghệ An

Hộ khẩu thường trú : Khối 4, thị trấn Anh Sơn, huyện Anh Sơn, Nghệ An

Chỗ ở hiện tại : P402 – CT1A – ĐN2, Mỹ Đình 2, Từ Liêm, Hà Nội

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kinh tế - tài chính ngân hàng

Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

| Thời gian | Trường đào tạo | Chuyên ngành đào tạo |
|-------------|-------------------------------|---------------------------------------|
| 1991 - 1994 | Chuyên toán – Đại học Vinh | Học cấp 3 |
| 1994 - 1998 | Đại học Kinh tế quốc dân – HN | Cử nhân Quản trị kinh doanh TMQT |
| 1996 - 1999 | Đại học Ngoại ngữ Hà Nội | Cử nhân Tiếng Anh |
| 2000 - 2004 | Đại học Kinh tế quốc dân – HN | Thạc sỹ kinh tế - tài chính ngân hàng |

Quá trình làm việc:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ/ Vị trí công tác |
|-------------|--------------------------------|--|
| 1998 – 2000 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Cán bộ phòng Đầu tư và Quản lý dự án |
| 2000 - 2001 | Công ty Chứng khoán Thăng Long | Trưởng đại diện tại TP HCM, Trưởng phòng giao dịch Môi giới |
| 2001 – 2004 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Cán bộ, Phó phòng, Trưởng Phòng Kế hoạch tổng hợp |
| 2004 - 2005 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Phòng nguồn vốn và kinh doanh ngoại tệ, Trưởng khối Treasury, thành viên ủy ban ALCO |

| | | |
|-----------------|-------------------------------|---|
| 1/2006 – 4/2006 | Tư vấn độc lập | Tư vấn thành lập và triển khai hoạt động Công ty Chứng khoán Habubank |
| 5/2006 – 9/2006 | Ngân hàng TMCP Quân Đội | Trưởng ban trụ bị thành lập Công ty Quản lý Quỹ đầu tư |
| 9/2006 đến nay | Công ty quản lý Quỹ đầu tư MB | Giám đốc, Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch HĐQT |

Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác:

+ Tổng Giám đốc Công ty Quản lý quỹ đầu tư MB

+ Phó chủ tịch HĐQT Công ty địa ốc MB

Số cổ phần sở hữu và đại diện : 650.400 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân: 150.400 cp

+ Đại diện sở hữu cho MB capital: 500.000 cp

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

Các khoản nợ đối với Công ty : không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : không

Hành vi vi phạm pháp luật : không

f. Ủy viên HĐQT – Bà Nguyễn Minh Châu

Họ và tên : Nguyễn Minh Châu

Giới tính : Nữ

Ngày, tháng, năm sinh : 06/04/1973

Nơi sinh : Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Số CMND/hộ chiếu : 011572543 cấp ngày 06/06/1988

Hộ khẩu thường trú : Số nhà 5, Phố Trần Nguyên Hãn, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Chỗ ở hiện tại : Số nhà 5, Phố Trần Nguyên Hãn, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cao học ngân hàng tài chính

Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

| Thời gian | Trường đào tạo | Chuyên ngành đào tạo |
|-------------|-------------------------------------|--|
| 2004 - 2006 | Universite Paris Daupine & ESCP-EAP | Thạc sỹ chuyên ngành ngân hàng tài chính |

Quá trình làm việc:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ/ Vị trí công tác |
|-----------------|---------------------------------------|--|
| 1995 - 1997 | Ngân hàng Hanil – Hàn Quốc tại Hà Nội | Cán bộ quan hệ khách hàng |
| 1997 - 1999 | Ngân hàng Hanil – Hàn Quốc tại Hà Nội | Cán bộ phòng nguồn vốn và kinh doanh ngoại hối |
| 1999 – 2000 | Ngân hàng Hanil – Hàn Quốc tại Hà Nội | Phụ trách phòng nguồn vốn và kinh doanh ngoại hối |
| 2000 - 2002 | Ngân hàng Woori – Hàn Quốc tại VN | Phó GD phụ trách nguồn vốn và ngoại hối |
| 2002 – 2005 | Ngân hàng Woori – Hàn Quốc tại VN | Giám đốc phụ trách mảng kinh doanh |
| 2005 - 2007 | Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex | Giám đốc Khối nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ |
| 2007 - 2009 | Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex | Phó TGD phụ trách nguồn vốn, đầu tư định chế tài chính |
| 12/2009 đến nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó TGD kiêm Giám đốc Khối Treasury |

Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác:

+ Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội

Số cổ phần đại diện : 16.240.000 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

Các khoản nợ đối với Công ty : không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : không

Hành vi vi phạm pháp luật : không

12.2 Ban Tổng Giám đốc

Bảng 2: Danh sách Ban Tổng Giám đốc

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số CP nắm giữ (cổ phần) |
|-----|--------------------|-------------------|-------------------------|
| 1 | Ông Lê Đình Ngọc | Tổng Giám đốc | 977.200 |
| 2 | Ông Trịnh Khắc Hậu | Phó Tổng Giám đốc | 847.960 |
| 3 | Ông Quách Mạnh Hào | Phó Tổng Giám đốc | 316.400 |
| 4 | Bà Ngô Thanh Hằng | Phó Tổng Giám đốc | 200.000 |

Họ và tên : **Quách Mạnh Hòa**
Giới tính : Nam
Ngày, tháng, năm sinh : 5/3/1976
Nơi sinh : Thái Bình
Quốc tịch : Việt Nam
Số CMND/hộ chiếu : 012159661 do CA Hà Nội cấp ngày 01/08/1998
Hộ khẩu thường trú : P501, D12, Tập thể Nam Đồng, Đống Đa, Hà Nội
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ Kinh tế
Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

| Thời gian | Trường đào tạo | Chuyên ngành đào tạo |
|------------------|-----------------------|-------------------------------|
| 1994 – 1998 | ĐH Kinh tế Quốc dân | Tài chính Ngân hàng |
| 2001 - 2005 | ĐH Birmingham | Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng |
| 2002 - 2005 | ĐH Birmingham | Tiến sỹ tài chính |

Quá trình làm việc:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|------------------|--------------------------------|-----------------------|
| 2006 - 2007 | Công ty Chứng khoán Thăng Long | Cán bộ tư vấn cao cấp |
| 2008 - nay | Công ty Chứng khoán Thăng Long | Phó Tổng Giám đốc |

Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác:

- + Thành viên HĐQT Công ty Quản lý quỹ MB
- + Thành viên HĐQT Công ty CP y tế Danameco

Số cổ phần sở hữu : 316.400 cổ phiếu

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

Các khoản nợ đối với Công ty : không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : không

Hành vi vi phạm pháp luật : không

Họ và tên : **Ngô Thanh Hằng**
Giới tính : Nữ
Ngày, tháng, năm sinh : 05/01/1961
Nơi sinh : Hà Nội 2

Quốc tịch : Việt Nam
 Số CMND/hộ chiếu : 011848543 do CA Hà Nội cấp ngày 23/2/2007
 Hộ khẩu thường trú : B6 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội
 Trình độ văn hoá : 12/12

Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

| Thời gian | Trường đào tạo | Chuyên ngành đào tạo |
|-------------|---|----------------------|
| 1979 - 1984 | Đại học sư phạm Kieve – Liên Xô | Văn học |
| 1994 - 2001 | Kế toán viên công chứng Anh và xứ Wales | Kế toán công chứng |

Quá trình làm việc:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ/ Vị trí công tác |
|--------------|--------------------------------|--------------------------|
| 1984 - 1992 | Viện chiến lược | Nhân viên |
| 1992 - 1993 | Đại sứ quán Úc tại Việt Nam | Nhân viên |
| 1993 - 2001 | Pricewaterhouse | Chủ nhiệm cao cấp |
| 2001 - 2003 | Ernst & Young | Phó Giám đốc |
| 2003 - 2010 | T-TRoyal | Giám đốc |
| 2008 - 2009 | Công ty Chứng khoán Đại dương | Giám đốc |
| 2009 đến nay | Công ty Chứng khoán Thăng Long | Phó Tổng Giám đốc |

Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác:

- + Giám đốc Công ty TNHH Thăng Hoàng Trung (T-TRoyal)
- + Giám đốc Công ty TNHH Đồng hồ Scandinavian
- + Thành viên HĐQT Công ty HR Faro Recruitment

Số cổ phần sở hữu : 200.000 cổ phiếu

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

Các khoản nợ đối với Công ty : không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : không

Hành vi vi phạm pháp luật : không

12.3 Ban Kiểm soát

Bảng 3: Danh sách Ban Kiểm soát

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số CP nắm giữ (cổ phần) |
|-----|-----------|---------|-------------------------|
|-----|-----------|---------|-------------------------|

| | | | |
|---|-------------------|------------|---------|
| 1 | Bà Lê Thu Vân | Trưởng ban | 351.590 |
| 2 | Bà Đoàn Mỹ Bình | Thành viên | 22.760 |
| 3 | Bà Đoàn Thị Như Ý | Thành viên | 278.800 |

a. Trưởng BKS – Bà Lê Thu Vân

Họ và tên : Lê Thu Vân
 Giới tính : Nữ
 Ngày, tháng, năm sinh : 7/9/1979
 Nơi sinh : Hà Nội
 Quốc tịch : Việt Nam
 Số CMND/hộ chiếu : 011830382 do CA Hà Nội cấp ngày 1/4/1994
 Hộ khẩu thường trú : Số 117 ngách 2 Ngõ Thái Thịnh I, Đống Đa, Hà Nội
 Chỗ ở hiện tại : 45 Ngõ 141 Nguyễn Khang, Cầu Giấy, HN
 Trình độ văn hoá : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế
 Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

| Thời gian | Trường đào tạo | Chuyên ngành đào tạo |
|-------------|--------------------|----------------------|
| 1997 - 2001 | Học viện tài chính | Tài chính công |
| 2001 - 2003 | Học viện tài chính | Thạc sỹ kinh tế |

Quá trình làm việc:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|--------------|--------------------------------|------------------------------------|
| 2002 – 2006 | Công ty Chứng khoán Thăng Long | Chuyên viên tư vấn |
| 2006 - 2007 | Công ty Chứng khoán Thăng Long | Trưởng phòng kế hoạch tổng hợp |
| 2008 đến nay | Công ty Chứng khoán Thăng Long | Giám đốc khối hành chính – nhân sự |

Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác : không
 Số cổ phần sở hữu : 351.590 cổ phiếu
 Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan : không
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không
 Các khoản nợ đối với Công ty : không
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : không

Hành vi vi phạm pháp luật : không

b. Thành viên BKS: Bà Đoàn Mỹ Bình

Họ và tên : Bà Đoàn Mỹ Bình

Giới tính : Nữ

Ngày, tháng, năm sinh : 16/11/1979

Số CMND/hộ chiếu : 011946787 cấp ngày 5/9/1997 tại CA HCM

Nơi sinh : Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Hộ khẩu thường trú : Số 4 ngách 158/168 Phố Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội

Chỗ ở hiện tại : Số 4 ngách 158/168 Phố Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

| Thời gian | Trường đào tạo | Chuyên ngành đào tạo |
|-------------|------------------------------|----------------------|
| 1997 - 2002 | ĐH Thương Mại | Quản trị kinh doanh |
| 1998 - 1999 | ĐH Kwansai Gakuin – Nhật Bản | Trao đổi văn hóa |
| 2005 | ĐH Da Yeh – Đài Loan | Thương Mại điện tử |

Quá trình công tác:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|----------------|-----------------------------------|--|
| 2003 - 2007 | Đại học Thương Mại | Giảng viên Khoa Kinh tế, Khoa Thương mại điện tử |
| 2007 – 6/2008 | Công ty CP Chứng Khoán Thăng Long | Nhân viên khối Marketing |
| 7/2008 đến nay | Công ty CP Chứng khoán Thăng Long | Trưởng phòng Kế hoạch |

Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác : không

Số cổ phần sở hữu : 22.760 cổ phiếu

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

Các khoản nợ đối với Công ty : không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : không

Hành vi vi phạm pháp luật : không

c. Thành viên BKS: Bà Đoàn Thị Như Ý

Họ và tên : Đoàn Thị Như Ý

Giới tính : Nữ

Ngày, tháng, năm sinh : 8/5/1978

Số CMND/hộ chiếu : 012673507 ngày cấp 3/3/2004 nơi cấp CA Hà Nội

Nơi sinh : Quảng Bình

Quốc tịch : Việt Nam

Hộ khẩu thường trú : 30 Ngõ 86 Tô Vĩnh Diện, Khương Trung, Thanh Xuân, HN

Chỗ ở hiện tại : 30 Ngõ 86 Tô Vĩnh Diện, Khương Trung, Thanh Xuân, HN

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Đại học

Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

| Thời gian | Trường đào tạo | Chuyên ngành đào tạo |
|--------------|--------------------|--------------------------------|
| 1996 - 1999 | Học viện Ngân hàng | Kế toán Ngân hàng |
| 2001 - 2002 | Học viện Ngân hàng | Kế toán ngân hàng |
| 2005 đến nay | Học viện Ngân hàng | Nghiệp vụ kinh doanh ngân hàng |

Quá trình công tác:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|--------------|--------------------------------|--|
| 2000 - 2005 | Công ty CK Thăng Long | Nhân viên |
| 2006 | Công ty CK Thăng Long | Phó phòng Giao dịch Lý Nam đế |
| 2007 | Công ty CK Thăng Long | Trưởng phòng Giao dịch Hoàng Quốc Việt |
| 2008 | Công ty Chứng khoán Thăng Long | Trưởng phòng Kiểm soát thanh toán |
| 2009 đến nay | Công ty Chứng khoán Thăng Long | Trưởng phòng Quản lý giao dịch và thanh toán |

Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác : không

Số cổ phần sở hữu : 278.800 cổ phiếu

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

Các khoản nợ đối với Công ty : không
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : không
 Hành vi vi phạm pháp luật : không

12.4 Kế toán trưởng

Họ và tên : **Trương Tú Anh**
 Giới tính : Nữ
 Ngày, tháng, năm sinh : 9/12/1971
 Số CMND : 011846886 cấp ngày 20/8/2009 tại CA Hà Nội
 Nơi sinh : Hà Nội
 Quốc tịch : Việt Nam
 Hộ khẩu thường trú : P505 Nhà T2 TT BLĐTBOXH, Phương Mai, Thanh Xuân, HN
 Trình độ văn hoá : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế
 Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

| Thời gian | Trường đào tạo | Chuyên ngành đào tạo |
|-------------|-------------------------------------|----------------------|
| 1989 - 1993 | Học viện ngân hàng | Kế toán |
| 2002 – 2005 | Khoa sau đại học Học viện ngân hàng | Tài chính – Tín dụng |

Quá trình công tác:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|--------------|--------------------------------|------------------|
| 1994 - 2000 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Kế toán tổng hợp |
| 2000 - 2002 | Khách sạn Quốc tế ASEAN | Kế toán trưởng |
| 2000 đến nay | Công ty Chứng khoán Thăng Long | Kế toán trưởng |

Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác : không
 Số cổ phần sở hữu : 312.400 cổ phiếu
 Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan : không
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không
 Các khoản nợ đối với Công ty : không
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : không
 Hành vi vi phạm pháp luật : không

13. Tài sản cố định
13.1 Tài sản cố định hữu hình
Bảng 15: Cơ cấu tài sản cố định của Công ty
ĐVT: đồng

| Khoản mục | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị quản lý | Tổng cộng |
|---|------------------------|-------------------|---------------------------------|------------------|----------------|
| 1. Nguyên giá TSCĐ hữu hình | | | | | |
| 2008 | 3.102.675.522 | 29.491.636.495 | 1.719.215.518 | 149.919.000 | 34.463.446.535 |
| 2009 | 3.295.493.924 | 32.978.762.740 | 6.370.651.018 | 180.222.328 | 42.825.130.010 |
| Quý I/2010 | 3.393.493.924 | 34.279.179.309 | 8.238.251.018 | 638.082.496 | 46.549.006.747 |
| Quý II/2010 | 3.393.493.924 | 37.328.237.099 | 9.938.025.018 | 741.529.846 | 51.401.312.887 |
| 2. Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| 2008 | 703.144.281 | 8.042.982.857 | 729.317.758 | 43.890.689 | 9.519.335.585 |
| 2009 | 1.252.479.645 | 17.360.622.601 | 1.228.158.344 | 83.975.598 | 19.925.236.188 |
| Quý I/2010 | 1.394.078.364 | 19.888.118.404 | 1.547.990.129 | 115.184.922 | 22.945.371.819 |
| Quý II/2010 | 1.535.677.083 | 22.501.806.838 | 1.885.475.971 | 149.562.734 | 26.072.522.626 |
| 3. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình | | | | | |
| 2008 | 2.399.531.241 | 21.448.653.638 | 989.897.760 | 106.028.311 | 24.944.110.950 |
| 2009 | 2.043.014.279 | 15.618.140.139 | 5.142.492.674 | 96.246.730 | 22.899.893.822 |
| Quý I/2010 | 1.999.415.560 | 14.391.060.905 | 6.690.260.889 | 522.897.574 | 23.603.634.928 |
| Quý II/2010 | 1.857.816.841 | 14.826.430.261 | 8.052.576.047 | 591.967.112 | 25.328.790.261 |

(Nguồn: Công ty CP Chứng khoán Thăng Long)
13.2 Tài sản cố định vô hình
Bảng 16: Cơ cấu tài sản cố định vô hình của Công ty
ĐVT: đồng

| Khoản mục | Quyền sử dụng đất | TSCĐ vô hình khác | Tổng cộng |
|-----------------------------------|-------------------|-------------------|----------------|
| 1. Nguyên giá TSCĐ vô hình | | | |
| Năm 2008 | 0 | 181.501.969.855 | 8.417.263.407 |
| Năm 2009 | 0 | 12.756.766.208 | 12.756.766.208 |
| Quý I/2010 | 0 | 12.941.766.208 | 12.941.766.208 |
| Quý II/2010 | 0 | 13.270.326.208 | 13.270.326.208 |

| 2. Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
|--|---|-----------------|-----------------|
| 2008 | | 1.771.361.822 | 3.452.227.088 |
| 2009 | | 4.213.871.884 | 4.213.871.884 |
| Quý I/2010 | | 4.936.333.015 | 4.936.333.015 |
| Quý II/2010 | | 5.679.502.389 | 5.679.502.389 |
| 3. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình | | | |
| 2008 | 0 | 179.730.608.033 | 179.730.608.033 |
| 2009 | 0 | 8.542.894.324 | 8.542.894.324 |
| Quý I/2010 | 0 | 8.005.433.193 | 8.005.433.193 |
| Quý II/2010 | 0 | 7.590.823.819 | 7.590.823.819 |

(Nguồn: Công ty CP Chứng khoán Thăng Long)

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2010

Bảng 17: Kế hoạch Lợi nhuận và Cổ tức năm 2010

ĐVT: đồng

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2010 | % tăng(+) giảm(-) so với năm 2009 |
|----|--|-----------------|-----------------------------------|
| 1 | Doanh thu thuần | 647.019.891.075 | 95,68 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 210.750.127.088 | 194,4 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | 168.600.101.671 | 173,24 |
| 5 | Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 26,06% | 180,35 |

(Nguồn: Công ty CP Chứng khoán Thăng long)

15. Căn cứ đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức như trên, TLS đặt ra kế hoạch của từng mảng hoạt động:

Hoạt động Môi giới

Hoạt động Môi giới sẽ tiếp tục đà tăng trưởng của năm 2009 với mục tiêu giữ vững thị phần môi giới, mở rộng theo chiều sâu, tăng hàm lượng giá trị gia tăng cho khách hàng. Bên cạnh đó, công ty sẽ liên tục thực hiện các chương trình:

- Cải tiến chất lượng dịch vụ, đầu tư phát triển các sản phẩm mới đặc biệt là các sản phẩm mang hàm lượng công nghệ cao
- Củng cố hoạt động quản trị rủi ro, mở phòng back office của Môi giới tại HCM
- Chuẩn hóa tiêu chuẩn nhân viên môi giới, trưởng phòng môi giới
- Phát triển mạng lưới môi giới tại các địa phương

- Phát triển các mảng thị trường khách hàng tổ chức nước ngoài, khách hàng nhỏ lẻ qua kênh giao dịch trực tuyến.

Hoạt động Ngân hàng đầu tư

Hoạt động Ngân hàng đầu tư được cơ cấu lại thành ba bộ phận: bộ phận Tư vấn Tài chính doanh nghiệp truyền thống, bộ phận M&A, bộ phận Trái phiếu. Cùng với việc cơ cấu lại tổ chức, các sản phẩm IB sẽ ưu tiên tập trung vào như M&A, PE... Để hiện thực hóa các sản phẩm mới, công ty chú trọng đầu tư vào công tác tuyển dụng nhân sự có trình độ, kinh nghiệm làm việc tại các tổ chức tài chính uy tín trong và ngoài nước.

Hoạt động Đầu tư tự doanh

Đối với hoạt động đầu tư, Công ty sẽ chuyển dần từ hoạt động trading sang PE. Bên cạnh đó danh mục đầu tư sẽ được cơ cấu lại theo hướng giảm dần danh mục cổ phiếu niêm yết, tăng danh mục về trái phiếu và OTC. Hoạt động đầu tư sẽ gắn chặt với nghiệp vụ quản lý rủi ro nhằm mang lại hiệu quả đầu tư cao nhất.

Hoạt động Nguồn vốn

Với biến động khó lường của thị trường tài chính tiền tệ năm 2010, hoạt động nguồn vốn sẽ bám sát diễn biến thị trường tiền tệ nhằm tận dụng tối đa các cơ hội và ứng phó kịp thời với những điều chỉnh của thị trường. Bên cạnh đó, chiến lược mở rộng mạng lưới đối tác cung ứng vốn sẽ tiếp tục được thực hiện nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu luân chuyển vốn trên toàn hệ thống.

Hoạt động Phân tích và Tư vấn đầu tư

Hoạt động Phân tích và Tư vấn đầu tư sẽ được cơ cấu lại theo hướng chuyên nghiệp hơn chia thành 2 nhóm:

- Phân tích kinh tế: kinh tế vĩ mô và thị trường tiền tệ
- Phân tích cổ phiếu: cổ phiếu công ty và ngành

Hoạt động của phân tích chủ yếu tập trung vào nhóm khách hàng tổ chức, các báo cáo phân tích cho khách hàng cá nhân như tư vấn lựa chọn cổ phiếu hàng ngày sẽ chuyển sang cho Môi giới thực hiện.

TLS cũng sẽ đẩy mạnh việc tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề nhằm tư vấn về thị trường cho các nhà đầu tư. Thông qua các báo cáo phân tích vị thế của Thăng Long tiếp tục được khẳng định trên thị trường.

16. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có.

17. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan đến Công ty có thể ảnh hưởng tới giá cổ phiếu được chào bán

Không có.

18. Các vấn đề khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, trong khoản mục Chứng khoán đầu tư dài hạn của TLS có số chứng chỉ quỹ chưa niêm yết được phản ánh theo giá gốc với tổng giá trị là 45.525.000 nghìn đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, vốn chủ sở hữu thực có của quỹ đã giảm so với vốn góp thực tế của các nhà đầu tư và phần giảm theo tỷ lệ sở hữu của TLS là 17.239.275 nghìn đồng. Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá cho số chứng chỉ quỹ này do khủng hoảng chung của nền kinh tế và thị trường chứng khoán năm 2008, nên một số chứng khoán chưa niêm yết gần như không có giao dịch, vì vậy TLS

không có thông tin tham chiếu về giá hợp lý trên thị trường và cũng không xác định được giá trị hợp lý của các chứng khoán này theo các mô hình định giá khác nhau.

Tuy nhiên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng đầy đủ cho số chứng chỉ quỹ nêu trên dựa theo số liệu NAV (Tài sản ròng hay vốn chủ sở hữu thực có) của quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2009;

Như đã nêu trong Báo cáo kiểm toán độc lập các BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, nếu Công ty thực hiện trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá cho các chứng chỉ quỹ này tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, lợi nhuận thuần sau thuế của năm 2008 sẽ giảm đi và lợi nhuận thuần sau thuế năm 2009 sẽ tăng lên cũng một số tiền là 17.239.275 nghìn đồng.

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phần phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần

3. Tổng số cổ phiếu chào bán:

40.000.000 (Bốn mươi triệu) cổ phần

Trong đó:

- Đối tượng 1: Phát hành cho cổ đông hiện hữu 37.000.000 cổ phần (Ba mươi bảy triệu cổ phần). Tỷ lệ phát hành 100 : 46,25
- Đối tượng 2: Phát hành cho CBNV mới 2.000.000 cổ phần (Hai triệu cổ phần)
- Đối tượng 3: Phát hành cho Đối tác tiềm năng 1.000.000 cổ phần (Một triệu cổ phần)

4. Giá chào bán

10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần

5. Phương pháp tính giá

Giá trị sổ sách của cổ phiếu của Công ty tại thời điểm 31/12/2009 là:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sổ sách/} \\ \text{Một cổ phần} \end{array} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cp đang lưu hành}} = \frac{975.010.001.000}{80.000.000} = 12.188 \text{ đồng}$$

6. Thời gian phân phối cổ phiếu

Ngay sau khi được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận, Công ty sẽ thực hiện ngay các thủ tục cần thiết để phân phối cổ phiếu. Thời gian phân phối cổ phiếu trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN

Dự kiến thực hiện: Quý III năm 2010

7. Đăng ký mua cổ phiếu

Làm thủ tục mua cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long

8. Phương thức thực hiện quyền

8.1 Phát hành cho Cổ đông hiện hữu

Tỷ lệ phát hành cho cổ đông hiện hữu là 100:46,25. Căn cứ vào ngày phân bổ quyền, cổ

đồng sở hữu 100 (một trăm) cổ phiếu được quyền mua thêm 46,25 (bốn mươi sáu phẩy hai mươi lăm) cổ phiếu phát hành thêm.

Cổ phiếu phát hành trước hết sẽ được phân phối cho các cổ đông theo phương thức thực hiện quyền mua cổ phần. Quyền mua cổ phần sẽ được phân phối theo danh sách tổng hợp và phân bổ quyền của người sở hữu chứng khoán do TLS cung cấp.

Nguyên tắc chuyển nhượng quyền mua: người sở hữu quyền mua có thể chuyển nhượng quyền mua chứng khoán của mình cho người khác theo giá thỏa thuận giữa 2 bên và chỉ chuyển nhượng được một lần.

Nguyên tắc làm tròn cổ phiếu lẻ: Số cổ phiếu mua của từng cổ đông được tính đến số nguyên, phần lẻ chưa đủ để mua 01 cổ phiếu sẽ không được làm tròn lên.

Ví dụ: Một cổ đông hiện hữu nắm giữ 100 cổ phiếu cũ sẽ được mua 46,25 cổ phiếu mới. Nguyên tắc làm tròn là: Số cổ phiếu cổ đông hiện hữu được mua là 46 cổ phiếu, phần cổ phiếu 0,25 sẽ không được làm tròn lên.

Số lượng cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không mua hết và số cổ phiếu lẻ phát sinh sau khi thực hiện quyền mua cho cổ đông hiện hữu (nếu có) sẽ do Hội đồng quản trị quyết định phân phối cho các đối tượng khác đảm bảo nguyên tắc giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

8.2 *Phát hành cho Cán bộ nhân viên mới của Công ty*

CBNV mới được quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành này dựa trên tiêu chí lựa chọn do HĐQT quyết định thông qua.

Số cổ phiếu không được CBNV trong danh sách đăng ký mua hết (nếu có) sẽ được HĐQT phân phối lại cho các đối tác khác theo cách thức và điều kiện phù hợp với giá bán không thấp hơn giá chào bán cho CBNV. Hạn chế chuyển nhượng đối với số cổ phiếu được phân phối lại: 01 năm kể từ ngày phát hành.

Căn cứ lựa chọn CBNV mới được mua cổ phiếu phát hành trong đợt này dựa vào:

- Chức vụ, trách nhiệm đang được phân công,
- Thời gian công tác tại Công ty,
- Khả năng hoàn thành nhiệm vụ được giao,
- Thành tích đóng góp thiết thực vào kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty,
- Ý chí gắn bó lâu dài với Công ty.

Hạn chế chuyển nhượng đối với CBNV mới: thời gian hạn chế chuyển nhượng là 01 năm kể từ ngày phát hành. Nếu CBNV nào nghỉ việc trước 01 năm thì phải bán lại cho Công ty (cổ phiếu quỹ) với giá bằng mệnh giá.

Hạn chế tỷ lệ sở hữu: Tổng số cổ phiếu chào bán cho CBNV không được vượt quá 5% vốn cổ phần đang lưu hành của Công ty.

8.3 *Phát hành cho Đối tác tiềm năng*

Cùng chung đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu và CBNV mới, Công ty phát hành cho các Đối tác tiềm năng. HĐQT căn cứ vào danh sách các nhà đầu tư đã được thông qua bởi HĐQT và thực hiện thông báo danh sách, thời gian đăng ký và nộp tiền mua.

Tiêu chuẩn đối tác tiềm năng được mua cổ phiếu phát hành trong đợt này:

- Là các tổ chức, cá nhân trong nước có tiềm lực về tài chính,
 - Có liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công ty, hoặc Có cam kết sử dụng lâu dài dịch vụ của doanh nghiệp, người gắn bó lợi ích chiến lược lâu dài trong kinh doanh,
 - Có tỷ lệ sở hữu sau khi mua cổ phiếu của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật.
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: 01 năm kể từ ngày phát hành.

Sau khi nhận Giấy phép đăng ký chào bán của UBCKNN, TLS thực hiện chào bán cho CBNV, đối tác tiềm năng của Công ty.

TLS sẽ thông báo cho các CBNV, đối tác tiềm năng đăng ký mua cổ phần theo danh sách và số lượng cổ phần đã được HĐQT thông qua. Thời gian thực hiện dự kiến trong vòng 20 ngày làm việc.

Số cổ phiếu không được mua hết do CBNV Công ty, đối tác tiềm năng không thực hiện (nếu có) sẽ được Hội đồng quản trị tiến hành phân phối lại cho các cổ đông hiện hữu với điều kiện tương đương và theo quy định pháp luật hiện hành. Hạn chế chuyển nhượng đối với số cổ phiếu được phân phối lại: 01 năm kể từ ngày phát hành.

TLS sẽ xác định việc phân phối cổ phần, hoàn tất việc thu tiền bán cổ phần và chuyển giao cổ phần cho nhà đầu tư.

Tổng kết chào bán: Trong thời gian 10 ngày làm việc sau khi đợt chào bán kết thúc, TLS sẽ lập báo cáo kết quả chào bán gửi UBCKNN.

9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của TLS không ngăn cấm hay giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với cổ đông là người nước ngoài. Hiện tại cổ phiếu của Công ty chưa có người nước ngoài nắm giữ.

Sau khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên các Sở giao dịch chứng khoán, người nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, theo đó tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết của một tổ chức đăng ký niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán.

10. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu từ đợt phát hành sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa của TLS mở tại Ngân hàng TMCP Quân đội, số tài khoản 0091100003002.

11. Các loại thuế có liên quan

11.1 Thuế Giá trị gia tăng

Căn cứ Luật Thuế Giá trị gia tăng 2008, các hoạt động của kinh doanh hiện tại của TLS (Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán) không thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng.

11.2 Thuế Thu nhập Doanh nghiệp

TLS được áp dụng mức thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 20% trong thời hạn 10 năm kể

từ khi khai trương hoạt động năm 2000. Năm 2010 là năm cuối cùng TLS được hưởng mức thuế suất ưu đãi nói trên. Mức thuế suất cho các năm tiếp theo là 25%.

11.3 Thuế Thu nhập của Nhà đầu tư

Căn cứ theo quy định pháp luật, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cá nhân cho CBNV Công ty.

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

- Đưa quy mô vốn của Công ty trong top 5 trên thị trường chứng khoán Việt Nam
- Nâng cao năng lực tài chính nhằm đẩy mạnh hoạt động đầu tư tự doanh, tăng năng lực bảo lãnh phát hành
- Đẩy mạnh nghiệp vụ Investment Banking, PE
- Tăng năng lực cho việc triển khai một số dịch vụ trong tương lai như margin loan, giao dịch trái phiếu...
- Bổ sung nguồn vốn để phục vụ các kế hoạch, mục tiêu hoạt động kinh doanh khác.

2. Phương án khả thi

2.1. Đầu tư Công nghệ, Cơ sở vật chất

Việc đầu tư cơ sở vật chất và công nghệ chủ yếu tập trung cải tạo, mở rộng mạng lưới hoạt động, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin cho hoạt động môi giới, kế toán, lưu ký nhằm phục vụ nhu cầu khách hàng và quản trị Công ty. Hiện nay, sau 10 năm hoạt động, TLS đã có một mạng lưới Khách hàng rộng lớn với khoảng 34.000 tài khoản, mạng lưới hoạt động mở rộng từ Bắc (Hà Nội, Hải Phòng) vào Nam (Hồ Chí Minh) với 11 sàn giao dịch. Là một trong những Công ty chứng khoán thực hiện thành công hệ thống giao dịch qua internet, TLS đã nhanh chóng phát triển mạng lưới khách hàng, giảm chi phí nhân lực và sai sót trong quá trình thực hiện. Trong năm 2009, tổng giá trị giao dịch trên cả hai Sở Giao dịch Chứng khoán là trên 127 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là giá trị giao dịch cổ phiếu còn lại giao dịch trái phiếu và chứng chỉ quỹ chỉ chiếm khoảng 16% tổng giá trị giao dịch. Giai đoạn 2010-2012, dự báo quy mô thị trường vẫn tiếp tục tăng mạnh, tuy nhiên do có sự cạnh tranh ngày càng lớn giữa các Công ty chứng khoán nên TLS dự kiến doanh thu từ nghiệp vụ môi giới và lưu ký sẽ không đạt được tốc độ tăng trưởng mạnh như các năm 2006 và 2007. Tuy nhiên, TLS vẫn hướng tới mục tiêu giữ vững vị trí dẫn đầu về thị phần môi giới, tăng nhanh số lượng tài khoản, mở rộng các nghiệp vụ môi giới theo chiều sâu, tăng hàm lượng giá trị gia tăng cho Khách hàng. Để đạt được mục tiêu đó, TLS sẽ đầu tư nâng cấp, mở rộng sàn giao dịch và hệ thống công nghệ thông tin với giá trị đầu tư khoảng **30 tỷ đồng**.

Đầu tư cho Trụ sở, Chi nhánh, Phòng giao dịch:

- Đầu tư nâng cấp máy móc thiết bị hiện đại cho toàn bộ Trụ sở chính, Chi nhánh và Phòng Giao dịch, đáp ứng nhu cầu giao dịch của Nhà đầu tư và tăng khả năng cạnh tranh của Công ty.
- Mở rộng mạng lưới hoạt động, theo đó TLS sẽ thành lập thêm các Chi nhánh tại những tỉnh/thành phố lớn phù hợp với chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty.

Đầu tư cho Phát triển Công nghệ tin học:

- Trang bị máy chủ mới và máy trạm cho nhân viên;

- Nâng cấp hệ thống website công nghệ mới;
- Thuê thêm các đường truyền dự phòng;
- Nâng cấp bảo trì hệ thống phần mềm tổng thể;
- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống phần mềm lõi kết nối tập trung với tất cả các sản phẩm dịch vụ của Công ty.

2.2. Tự doanh

Đối với hoạt động đầu tư, Công ty sẽ chuyển dần từ hoạt động mua bán cổ phiếu trên sàn sang PE. Bên cạnh đó danh mục đầu tư sẽ được cơ cấu lại theo hướng giảm dần danh mục cổ phiếu niêm yết, tăng danh mục về trái phiếu và OTC. Hoạt động đầu tư sẽ gắn chặt với nghiệp vụ quản lý rủi ro nhằm mang lại hiệu quả đầu tư cao nhất.

Doanh thu từ hoạt động tự doanh chiếm khoảng 23,5% tổng Doanh thu trong năm 2008 và 26,2% trong năm 2009. Để đảm bảo mức tăng trưởng trong năm 2010, dự kiến TLS cần tăng thêm khoảng 170 tỷ đồng cho danh mục đầu tư góp vốn chiến lược. Định hướng của TLS trong việc đầu tư chiến lược sẽ tập trung vào các dự án, các Công ty thuộc lĩnh vực có mức tăng trưởng tốt. Đối với một số khoản mục đầu tư, TLS sẽ tham gia với vai trò nhà đầu tư chiến lược, hỗ trợ doanh nghiệp theo định hướng phát triển bền vững, lâu dài.

2.3. Tăng năng lực cho Khối Ngân hàng Đầu tư (IB)

Hiện nay, hoạt động Ngân hàng đầu tư được cơ cấu lại thành ba bộ phận: bộ phận Tư vấn Tài chính doanh nghiệp truyền thống, bộ phận M&A, bộ phận Trái phiếu. Cùng với việc cơ cấu lại tổ chức, các sản phẩm IB sẽ ưu tiên tập trung vào như M&A, PE... Để hiện thực hóa các sản phẩm mới, Công ty chú trọng đầu tư vào công tác tuyển dụng nhân sự có trình độ, kinh nghiệm làm việc tại các tổ chức tài chính uy tín trong và ngoài nước, bổ sung cho hoạt động tạo lập thị trường và hoạt động bảo lãnh phát hành.

Bổ sung cho hoạt động tạo lập thị trường

Ngay từ khi thành lập, TLS đã tham gia với vai trò tạo lập thị trường tích cực cho chứng khoán niêm yết và đặc biệt là chứng khoán chưa niêm yết. Theo đó, TLS sẽ đứng ra mua/bán các loại chứng khoán theo yêu cầu của Khách hàng trong các giao dịch mua/bán đứt hoặc mua/bán lại nhằm tăng tính thanh khoản cho chứng khoán. Hoạt động này không chỉ mang lại tiện ích cho Khách hàng mà còn đóng góp vào doanh thu của TLS và phát triển thị trường thứ cấp. Cùng với tốc độ phát triển của thị trường, nguồn vốn và hiệu quả sử dụng cho hoạt động tạo lập thị trường của TLS ngày càng tăng. Trong năm 2010, TLS dự kiến đẩy mạnh hoạt động tạo lập thị trường, do đó TLS cần bổ sung khoảng 160 tỷ đồng cho hoạt động này. Nguồn vốn bổ sung sẽ được tài trợ từ nguồn phát hành cổ phiếu của TLS.

Chuyên sâu đội ngũ nhân sự hiện có và tuyển dụng mới

- Thêm nhân sự cao cấp và đào tạo thêm nhân sự có các chứng chỉ quốc tế như CFA, ACCA,... đáp ứng như cầu phát triển của TLS nói chung và IB nói riêng, cũng như nhu cầu hội nhập với kinh tế quốc tế;
- Đào tạo và đào tạo lại đội ngũ nhân sự hiện tại để đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công việc, cũng như sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt của thị trường.

Chính vì vậy, với mục tiêu tăng cường năng lực cho IB trong thời gian tới, TLS dự kiến đầu tư thêm 170 tỷ cho Khối.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

Bảng 18: Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

ĐVT: đồng

| TT | NỘI DUNG | TỔNG ĐẦU TƯ |
|----|--|------------------------|
| 1 | Đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ | 30.000.000.000 |
| - | Đầu tư cho Trụ sở, Chi nhánh, Phòng Giao dịch Đầu tư nâng cấp máy móc thiết bị hiện đại cho toàn bộ Trụ sở chính, Chi nhánh và Phòng Giao dịch, đáp ứng nhu cầu giao dịch của Nhà đầu tư và tăng khả năng cạnh tranh của Công ty. | 10.000.000.000 |
| - | Đầu tư cho phát triển Công nghệ Tin học + Trang bị máy chủ mới và máy trạm cho nhân viên; + Nâng cấp hệ thống website công nghệ mới; + Thuê thêm các đường truyền dự phòng; + Nâng cấp bảo trì hệ thống phần mềm tổng thể; + Xây dựng và hoàn thiện hệ thống phần mềm lõi kết nối tập trung với tất cả các sản phẩm dịch vụ của Công ty. | 20.000.000.000 |
| 2 | Tăng vốn lưu động | 30.000.000.000 |
| 3 | Tự doanh | 170.000.000.000 |
| 4 | Tăng năng lực cho IB | 170.000.000.000 |
| | Cộng | 400.000.000.000 |

(Nguồn: Công ty CP Chứng khoán Thăng Long)

2. Hiệu quả sử dụng vốn từ đợt phát hành

Theo phương án tăng vốn đã được ĐHCĐ thông qua, TLS dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh của năm 2010 như sau:

ĐVT: đồng

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2010 | % tăng (+) giảm (-) so với năm 2009 |
|----|--|-----------------|-------------------------------------|
| 1 | Doanh thu thuần | 647.019.891.075 | 95,68 |
| 2 | Tổng chi phí hoạt động | 436.269.763.988 | 76,83 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 210.750.127.088 | 194,4 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | 168.600.101.671 | 173,24 |
| 5 | Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 26,06% | 180,35 |

(Nguồn: Công ty CP Chứng khoán Thăng Long)

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC CHÀO BÁN

Tổ chức kiểm toán



Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà thương mại Daeha, 300 Kim Mã, Hà Nội

Điện thoại: 04.38315100

Website: <http://www.ey.com>

IX. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy phép hoạt động
2. **Phụ lục II:** Điều lệ Công ty CP Chứng khoán Thăng Long
3. **Phụ lục III:** Báo cáo kiểm toán 2008, 2009, Báo cáo tài chính Quý I/2010
4. **Các phụ lục khác**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG
T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

Lê Văn Bé

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Đình Ngọc

Lê Thu Vân

Trương Tú Anh